

I.	PHẦN MỞ ĐẦU:	3
1.1	LÝ DO LỰA CHỌN ĐỀ TÀI:	3
1.2	ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:	3
1.2.1	Đối tượng nghiên cứu:	3
1.2.2	Phương pháp nghiên cứu:	3
1.3	MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU:	4
II.	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TRÊN CẢ NƯỚC VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ - THỰC HIỆN QUY HOẠCH NTM TẠI TỈNH HÀ NAM TÍNH ĐẾN NĂM 2013	5
2.1	TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TRÊN CẢ NƯỚC	5
2.2	TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM	7
2.3	TỔNG QUAN VỀ TRÌNH ĐỘ VÀ CHUYÊN MÔN CỦA CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN NÓI CHUNG VÀ VỀ LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM NÓI RIÊNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM	11
2.4	CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆC ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM	12
III.	CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CHO VIỆC ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG	13
3.1	CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG	13
3.2	TÌNH HÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI DỰA TRÊN ĐẶC THÙ ĐỊA PHƯƠNG CỦA CÁC XÃ, HUYỆN TẠI TỈNH HÀ NAM	15
3.3	CÁC VẤN ĐỀ CỦA CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN TRONG QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM	16
3.3.1	Trình độ và chuyên môn của các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng NTM	16
3.3.2	Các khó khăn, vướng mắc của các cán bộ cấp xã, huyện trong quá trình quản lý, thực hiện quy hoạch xây dựng NTM	17
3.4	CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM VÀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM	18
3.4.1	Nội dung quy hoạch xây dựng NTM:	18

3.4.2 Nội dung đồ án quy hoạch xây dựng NTM:.....	18
IV. CHƯƠNG 3: ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM	20
4.1 NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM	20
4.2 NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM	22
4.2.1 Các môn học đề xuất trong chương trình đào tạo:.....	22
4.2.2 Môn học 1: Quy hoạch xây dựng NTM:	22
4.2.3 Môn học 2: Lập quy hoạch xây dựng NTM:	51
4.2.4 Môn học 3: Quản lý quy hoạch xây dựng NTM:	60
4.2.5 Môn học 4: Thực hiện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM:	66
4.2.5 Phần ví dụ - bài tập ứng dụng: Ví dụ minh họa về đồ án quy hoạch xây dựng NTM ở xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam.....	72
4.3 HÌNH THỨC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG.....	74
4.3.1 Hình thức đào tạo:.....	74
4.3.2 Thời gian đào tạo theo lớp tập trung:.....	74
4.4 KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO VÀ NGUỒN KINH PHÍ	75
4.4.1 Kế hoạch đào tạo:.....	75
4.4.2 Kinh phí đào tạo:.....	75
V. CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	76
5.1 Kết luận:	76
5.2 Đề xuất:	77

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Quy hoạch xây dựng:	QHXD
NTM:	NTM

I. PHẦN MỞ ĐẦU:

1.1 LÝ DO LỰA CHỌN ĐỀ TÀI:

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 06 về Xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020. Quyết định nêu rõ đến năm 2011, cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn cả nước làm cơ sở đầu tư xây dựng NTM, làm cơ sở để thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cho giai đoạn 2010 – 2020.

Việc quy hoạch xây dựng này bao gồm hai nội dung: *quy hoạch xây dựng NTM và quản lý thực hiện theo quy hoạch (cán bộ cấp xã, huyện trực tiếp thực hiện)*. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay là các cán bộ cấp xã, huyện đều thiếu kiến thức để quản lý và thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng NTM. Do phần lớn các cán bộ quản lý cấp xã, huyện được đào tạo từ nhiều ngành khác nhau nên việc tham gia quản lý về quy hoạch xây dựng còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài công tác quản lý chuyên môn, các cán bộ địa phương còn đóng vai trò là cầu nối giữa đơn vị tư vấn lập quy hoạch với địa phương. Đồng thời các cán bộ địa phương cũng là bộ phận phê duyệt, thẩm định, quản lý và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế. Vì vậy, việc nâng cao năng lực, chuyên môn về lĩnh vực Quy hoạch xây dựng là một trong những vấn đề cấp thiết trong tình hình hiện nay. Tại các cuộc hội thảo đánh giá quá trình thực hiện quyết định 193/QĐ-TTg ở các tỉnh đã cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng cán bộ quản lý tại địa phương. Bởi sau khi quy hoạch được phê duyệt, công tác triển khai thực hiện và điều chỉnh quy hoạch theo thực tế rất cần các cán bộ quản lý có chuyên môn về quy hoạch xây dựng. Đặc biệt là trong Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 về việc lồng ghép 3 nội dung: *quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch sản xuất trong một đồ án quy hoạch xây dựng NTM*. Các đồ án sau khi điều chỉnh sẽ có tính phức tạp cao, đòi hỏi các cán bộ quản lý phải có năng lực và kiến thức chuyên môn. Do đó họ có nhu cầu cần được đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức về lĩnh vực quy hoạch xây dựng.

1.2 ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

1.2.1 Đối tượng nghiên cứu:

- Các cán bộ cấp xã, huyện đang quản lý và thực hiện chương trình quy hoạch xây dựng NTM tại địa bàn tỉnh Hà Nam.

1.2.2 Phương pháp nghiên cứu:

- Tổng quan về tình hình quy hoạch xây dựng NTM trên cả nước và tại địa bàn tỉnh Hà Nam.
- Điều tra xã hội học, đánh giá chung về kiến thức quy hoạch xây dựng của các cán bộ cấp xã, huyện về tình hình quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng NTM.

- Xây dựng đề cương và nội dung cho chương trình đào tạo để bổ sung các kiến thức về quy hoạch xây dựng cho các cán bộ cấp xã, huyện.
- Tổng kết và đề xuất kế hoạch thực hiện cho việc đào tạo tại địa bàn tỉnh Hà Nam.

1.3 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU:

Đề tài cung cấp các kiến thức về lĩnh vực quy hoạch xây dựng cho các cán bộ cấp xã, huyện. Để họ có thể quản lý, thực hiện và điều chỉnh có hiệu quả đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn theo Chương trình xây dựng NTM của Chính phủ.

II. CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TRÊN CẢ NƯỚC VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ - THỰC HIỆN QUY HOẠCH NTM TẠI TỈNH HÀ NAM TÍNH ĐẾN NĂM 2013

2.1 TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TRÊN CẢ NƯỚC

Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, nước ta phấn đấu đến năm 2020 có 50% số xã trong toàn quốc đạt tiêu chí NTM. Theo bộ tiêu chí quốc gia gồm 19 tiêu chí về xây dựng NTM thì *quy hoạch chiếm vị trí hết sức quan trọng*. Tuy nhiên, đa số các vùng nông thôn trên cả nước nói chung đều trong tình trạng thiếu quy hoạch, hoặc đã có quy hoạch nhưng chưa đạt chất lượng mang lại hiệu quả phát triển kinh tế. *Điều này không chỉ gây khó khăn trong quá trình xây dựng NTM mà còn làm ảnh hưởng tới việc bảo tồn không gian văn hóa của các làng quê Việt Nam*.

Theo Bộ Xây dựng, tính đến cuối năm 2012, cả nước có khoảng 5.000 xã (chiếm 68%) trên tổng số hơn 10.000 xã hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng NTM. Trong đó có 995 xã đang hoàn thành các thủ tục trình duyệt. *Dự kiến đến hết năm 2013, cả nước sẽ phủ kín quy hoạch xây dựng NTM*.

Mục tiêu của các đồ án quy hoạch xây dựng NTM là dự kiến hình thành các vùng động lực phát triển trong tương lai: khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung của tỉnh; các xã có tiềm năng về sản xuất nông nghiệp: trung tâm chế biến nông sản; vùng sản xuất cây trồng, vật nuôi đặc sản; các làng nghề truyền thống...; có tiềm năng khai thác du lịch. Khi lập quy hoạch xây dựng nông thôn cho các xã này cần ưu tiên các xã có kết cấu hạ tầng nông thôn lạc hậu nhằm mục tiêu ổn định dân cư và nâng cao đời sống người dân. Tuy nhiên, sau 3 năm thực hiện, công tác quy hoạch xây dựng NTM vẫn chưa đem lại kết quả như mong muốn. *Cụ thể, có 93,1% số xã phê duyệt xong quy hoạch chung; 79,2 % số xã đã có đề án NTM được phê duyệt. Song, hạn chế trong quy hoạch là chất lượng thấp, thiếu kết nối vùng; chủ yếu là quy hoạch hạ tầng; chưa có cơ chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn. Các đề án còn nặng về hạ tầng, nhẹ về phát triển sản xuất, môi trường, văn hóa; Giải pháp thiếu thực tiễn và không rõ nguồn lực. Các đồ án quy hoạch xây dựng chủ yếu cũng chỉ tập trung vào quy hoạch trung tâm xã, số lượng các điểm dân cư nông thôn tập trung có quy hoạch còn thấp, trong đó điểm yếu kém nhất là quy hoạch đất phục vụ sản xuất nông nghiệp*.

Từ thực tiễn xây dựng NTM ở các địa phương cho thấy, công tác quy hoạch phải triển khai cụ thể, cần tôn trọng hiện trạng, nhưng phải hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và tiếp tục kế thừa hạ tầng vốn có. Điều quan trọng là người dân phải được tham gia vào quy hoạch và tạo sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư. Đặc biệt, quá trình thực hiện cần được phân loại và ưu tiên theo địa bàn, đặc điểm của từng xã cho phù hợp với định hướng kinh tế, xã hội của địa phương, cần ưu tiên các xã có kết cấu hạ tầng lạc hậu nhằm mục tiêu ổn định dân cư, nâng cao đời sống.

Thực tế hiện nay chất lượng đồ án quy hoạch xây dựng nhìn chung còn thấp, tính khả thi chưa cao; các động lực phát triển nông thôn được xác định không đầy đủ, không thu hút được nguồn lực đầu tư phát triển. Khu vực nông thôn hiện nay đang phát triển thiếu quy hoạch, và quy hoạch chông chéo giữa các ngành. Điều đó dẫn đến sự đầu tư dàn trải, các khu dân cư phát triển tùy tiện, không nhất quán trong xây dựng các công trình công cộng. *Quy hoạch xây dựng NTM cần chú trọng tính tổng thể đồ án, mối liên kết với các quy hoạch khác.* Bởi vì nếu không có sự đồng nhất thì chắc chắn sẽ bị phá vỡ quy hoạch ngay trong quá trình xây dựng. Quá trình này cần có sự tham gia của chính quyền cơ sở và nhân dân địa phương đóng góp ý kiến để quy hoạch và xây dựng.

Nguyên nhân lớn nhất khiến nhiều địa phương còn gặp lúng túng trong quy hoạch là do chưa có đội ngũ cán bộ quy hoạch chuyên nghiệp ở cấp cơ sở. Trong khi đó, do quy hoạch được xác định phải đi trước một bước, nên nhiều xã đã đổ xô đi thuê đội ngũ tư vấn thiết kế. Điều này, dẫn đến tình trạng quy hoạch một cách rập khuôn và máy móc. Quy hoạch, kiến trúc nông thôn đang đứng trước những vấn đề cấp thiết về mô hình, quy hoạch, thiết kế, kiến trúc, cảnh quan, môi trường, các chỉ tiêu về sử dụng đất, tiêu chuẩn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... để phù hợp với hiện trạng, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các vùng, miền. Đây đang là những đòi hỏi cấp bách của NTM trong công cuộc CNH và HĐH đất nước.

Bên cạnh đó, quy hoạch nông thôn cần phải theo những tiêu chí riêng, phù hợp với đặc thù của từng địa phương. Ví dụ như quy hoạch các xã có làng nghề phải có khu vực sản xuất làng nghề, khu giao dịch quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kho tập kết hàng hóa, bãi phế liệu, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và xử lý chất thải sau sản xuất... Đối với xã có di tích lịch sử, kiến trúc cảnh quan, quy hoạch, cần chú trọng bảo tồn khu di tích lịch sử, kiến trúc cảnh quan gắn với không gian cây xanh, hồ nước, vùng bảo vệ di tích lịch sử, kiến trúc cảnh quan, đồng thời nghiên cứu khu vực dịch vụ phục vụ khách... Quy hoạch nông thôn sẽ góp phần hạn chế và giảm thiểu các quy hoạch chắp vá, tùy tiện, giữ gìn và phát huy các không gian kiến trúc truyền thống vốn có của nông thôn Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về NTM trong thời kỳ CNH, HĐH.

2.2 TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

Hà Nam là một tỉnh nằm ở vùng đồng bằng sông Hồng Việt Nam. Phía bắc tiếp giáp với Hà Nội, phía đông giáp với tỉnh Hưng Yên và Thái Bình, phía nam giáp tỉnh Ninh Bình, đông nam giáp tỉnh Nam Định và phía tây giáp tỉnh Hòa Bình. Toàn tỉnh Hà Nam gồm có 1 thành phố và 5 huyện lỵ.

Đơn vị hành chính của tỉnh Hà Nam				
STT	Tên	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km ²)
1	Thành phố Phủ Lý	8.787,30	136.654	2.542
2	Huyện Duy Tiên	137,60	125.062	909
3	Huyện Kim Bảng	187,00	125.713	672
4	Huyện Lý Nhân	167,70	175.340	1.046
5	Huyện Thanh Liêm	178,10	127.262	715
6	Huyện Bình Lục	155,50	144.760	931

- Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nam 2008.

Đơn vị hành chính của Huyện Duy Tiên (19 xã)			
STT	TÊN	STT	TÊN
1	Thị trấn Hòa Mạc	11	Xã Tiên Phong
2	Thị trấn Đồng Văn	12	Xã Châu Sơn
3	Xã Mộc Bắc	13	Xã Tiên Ngoại
4	Xã Mộc Nam	14	Xã Tiên Nội
5	Xã Chuyên Ngoại	15	Xã Hoàng Đông
6	Xã Trác Văn	16	Xã Duy Minh
7	Xã Châu Giang	17	Xã Bạch Thượng
8	Xã Yên Bắc	18	Xã Duy Hải
9	Xã Yên Nam	19	Xã Tiên Hải
10	Xã Đọi Sơn		

Đơn vị hành chính của Huyện Kinh Bảng (18 xã)			
STT	TÊN	STT	TÊN
1	Thị trấn Quế	11	Xã Tượng Lĩnh
2	Thị trấn Ba Sao	12	Xã Tân Sơn
3	Xã Nguyễn Úy	13	Xã Khả Phong
4	Xã Lê Hồ	14	Xã Thụy Lôi
5	Xã Đại Cường	15	Xã Ngọc Sơn
6	Xã Nhật Tựu	16	Xã Thi Sơn
7	Xã Hoàng Tây	17	Xã Thanh Sơn
8	Xã Nhật Tân	18	Xã Liên Sơn
9	Xã Văn Xá		
10	Xã Đồng Hóa		

Đơn vị hành chính của Huyện Lý Nhân (23 xã)			
STT	TÊN	STT	TÊN
1	Thị trấn Vĩnh Trụ	13	Xã Nhân Khang
2	Xã Xuân Khê	14	Xã Nhân Chính
3	Xã Hợp Lý	15	Xã Nhân Đạo
4	Xã Chính Lý	16	Xã Nhân Thịnh
5	Xã Nguyên Lý	17	Xã Nhân Hưng
6	Xã Văn Lý	18	Xã Nhân Nghĩa
7	Xã Công Lý	19	Xã Nhân Bình
8	Xã Đạo Lý	20	Xã Nhân Mỹ
9	Xã Bắc Lý	21	Xã Tiến Thắng
10	Xã Chân Lý	22	Xã Hòa Hậu
11	Xã Đức Lý	23	Xã Phú Phúc
12	Xã Đồng Lý		

Đơn vị hành chính của Huyện Thanh Liêm (17 xã)			
STT	TÊN	STT	TÊN
1	Thị trấn Kiện Khê	10	Xã Thanh Nguyên
2	Xã Thanh Hà	11	Xã Thanh Tâm
3	Xã Thanh Bình	12	Xã Thanh Lưu
4	Xã Thanh Phong	13	Xã Liêm Sơn
5	Xã Thanh Thủy	14	Xã Liêm Túc
6	Xã Thanh Tân	15	Xã Liêm Thuận
7	Xã Thanh Hương	16	Xã Liêm Cần
8	Xã Thanh Nghị	17	Xã Liêm Phong
9	Xã Thanh Hải		

Đơn vị hành chính của Huyện Bình Lục (19 xã)			
STT	TÊN	STT	TÊN
1	Thị trấn Bình Mỹ	11	Xã An Mỹ
2	Xã Bình Nghĩa	12	Xã An Nội
3	Xã Tràng An	13	Xã Vũ Bản
4	Xã Đồng Du	14	Xã Trung Lương
5	Xã Ngọc Lũ	15	Xã Mỹ Thọ
6	Xã Hưng Công	16	Xã An Đỗ
7	Xã Đôn Xá	17	Xã La Sơn
8	Xã An Ninh	18	Xã Tiêu Động
9	Xã Bò Đề	19	Xã An Lão
10	Xã Bối Cầu		

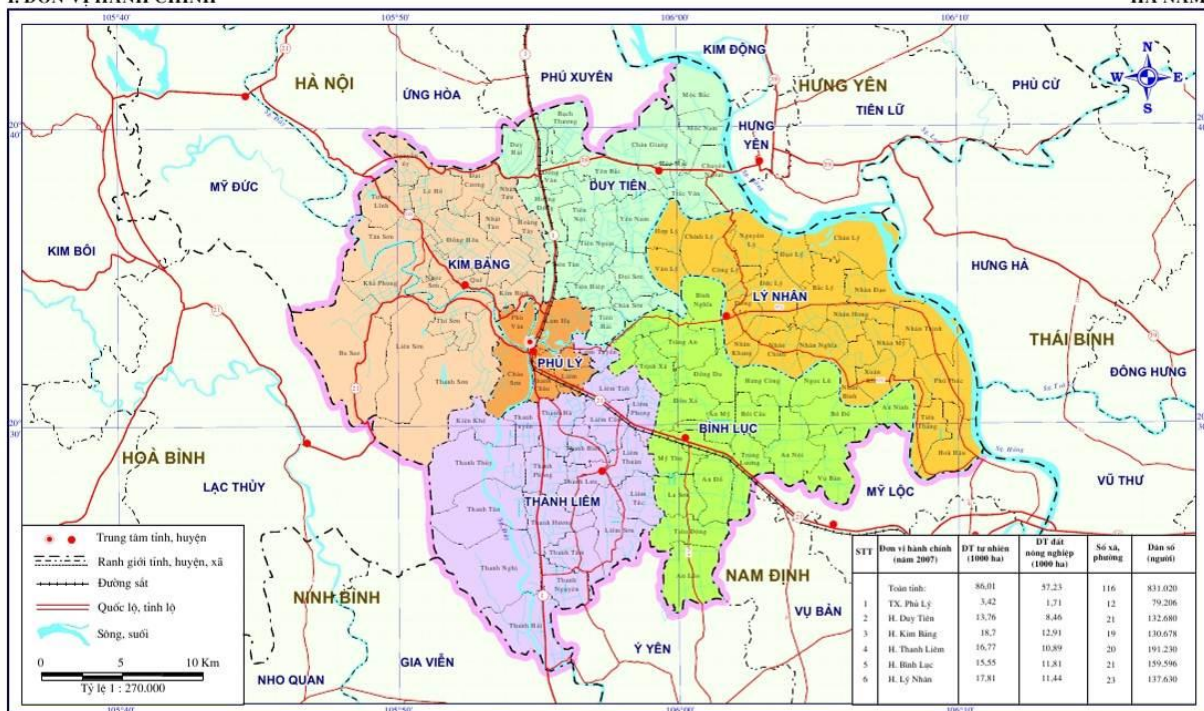
- Nguồn: Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 23/07/2013.

Trong năm 2012, tỉnh Hà Nam tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đẩy nhanh thực hiện và hoàn thành các tiêu chí NTM trong thời gian sớm nhất của 5 xã điểm giai đoạn 2009 - 2011, phấn đấu đến năm 2013 cả 5 xã cơ bản hoàn

thành 19 tiêu chí theo bộ tiêu chí quốc gia NTM. Bên cạnh đó, Hà Nam cũng chú trọng các giải pháp phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân như chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, phát triển chăn nuôi trên đệm lót sinh học, đặc biệt tập trung chỉ đạo triển khai đồng loạt các xã dồn đổi ruộng đất gắn với quy hoạch lại đồng ruộng, phân đầu 28 xã thực hiện giai đoạn 2011 - 2015 hoàn thành trong năm 2012, các xã khác hoàn thành cơ bản vào năm 2013. Tỉnh tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ cộng đồng nhân dân và các doanh nghiệp để hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình phúc lợi như đường giao thông nông thôn, xóm, nhà văn hoá, trường học, xử lý môi trường... Tỉnh tăng cường công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm gắn với duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống. *Đồng thời tổ chức bồi dưỡng tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ cấp xã về kiến thức xây dựng NTM.*

I. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

HÀ NAM



Biên tập tại: Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp

Bản đồ hành chính các huyện, xã của tỉnh Hà Nam

Sau 3 năm thí điểm xây dựng mô hình NTM ở 5 xã của tỉnh Hà Nam, diện mạo nông thôn các xã này đã thay đổi rõ rệt, hạ tầng kinh tế xã hội đã có bước phát triển, nhất là hệ thống giao thông và các công trình phúc lợi công cộng. Bước đầu đã thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống người dân nông thôn dần được cải thiện. Các tiêu chí về xây dựng NTM tăng bình quân mỗi xã 6 tiêu chí. Việc lồng ghép các chương trình mục tiêu để phát triển nông thôn được thực hiện tốt, rõ nhất là chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình giao thông nông thôn, cơ sở vật chất trường học... Đặc biệt là việc huy động sự đóng góp của cộng đồng trong xây dựng NMT đạt hiệu quả cao, trong 3 năm tổng kinh phí của 5 xã sử dụng cho xây dựng NTM là 273,125 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách tỉnh trên 95 tỷ đồng, ngân sách xã 95 tỷ và vốn nhân dân đóng góp là trên 67 tỷ đồng (*số liệu theo nguồn: Cổng thông tin điện tử Hà Nam*). Trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng NTM các xã điểm đã năng

động sáng tạo, khai thác tiềm năng, thế mạnh của mình để tạo ra những điểm nhấn trong quá trình xây dựng NTM.

Tính đến năm 2013, quan trọng nhất công tác quy hoạch NTM của 100% số xã trong tỉnh đã được hoàn thành. Các đồ án quy hoạch NTM đã được thiết kế, phê duyệt và một số đang trong giai đoạn triển khai thực hiện. Theo đó, nhằm khuyến khích các địa phương thực hiện chương trình xây dựng NTM, tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích giai đoạn 2011-2015. Qua việc xây dựng kế hoạch và có những bước triển khai cụ thể, phong trào xây dựng NTM được hầu hết các xã trong tỉnh hưởng ứng. Về cơ sở hạ tầng, toàn tỉnh đã làm được 1.668 km đường giao thông thôn xóm, gần 96 km đường trục chính ra đồng (bê tông hóa 58,7 km); xây dựng mới 167 nhà văn hóa thôn, xóm; xây dựng 1.307 phòng học các cấp... Các địa phương tích cực triển khai xóa nhà tạm, nhà không an toàn, hiện có 65 xã đạt chuẩn về tiêu chí nhà ở. Vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm, cả tỉnh xây dựng được 69 hồ chôn, bể chứa rác thải và trên 20 km rãnh thoát nước thải sinh hoạt khu dân cư (số liệu theo nguồn: Cổng thông tin điện tử Hà Nam).

Cùng với phát triển hạ tầng thôn, xóm, việc thực hiện dồn đổi ruộng đất nông nghiệp, chỉnh trang, quy hoạch lại đồng ruộng được quan tâm chú trọng. *Hiện nay toàn tỉnh đã có 64 xã được phê duyệt đề án và 512 thôn phê duyệt xong kế hoạch dồn đổi ruộng đất. Diện tích ruộng đã dồn đổi của tỉnh đạt hơn 13.300 ha, bình quân mỗi hộ còn 1,1-1,7 thửa. (số liệu: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nam).* Thực tế cho thấy, tác động từ xây dựng NTM đến kinh tế nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và đời sống nhân dân khá rõ nét. Thu nhập bình quân đầu người của các địa phương đã có bước tăng trưởng khá, nhiều xã đạt tiêu chí thu nhập (năm 2012 đạt 20 triệu đồng/người/năm). Tỷ lệ hộ nghèo chung của cả tỉnh dự kiến năm 2013 giảm xuống còn 7,83%. Xây dựng NTM đã giúp cho bộ mặt nông thôn đổi thay rõ rệt từ cơ sở hạ tầng đến sản xuất của người dân. Đây là tiền đề và động lực để địa phương tiến nhanh và kịp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. *Qua khảo sát, đến hết năm 2013 này, khả năng có 06 xã trong tỉnh hoàn thành các tiêu chí và được công nhận xã NTM.* Nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh đang từng bước được đổi mới đi lên từ chương trình xây dựng NTM.

Theo Quyết định 1226/QĐ-TTg về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam đã đề ra định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn đến năm 2020, trong đó:

- Thành phố Phủ Lý: Mở rộng quy mô để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tỉnh. Mục tiêu đến năm 2020 trở thành đô thị loại II là thành phố trực thuộc tỉnh. Hướng phát triển chính là hướng Đông Bắc, Bắc Châu Giang (tăng quy mô diện tích khoảng 1.000 ha) và hình thành trung tâm chính trị, hành chính mới của Tỉnh.
- Huyện Duy Tiên: Phát triển chuỗi đô thị công nghiệp - dịch vụ Đồng Văn - Hòa Lạc - Yên Lệnh, từ 2015 - 2020 thành lập thị xã Duy Hà với quy mô khoảng 100.000 dân và thị trấn Đọi Sơn là trung tâm chính trị - văn hóa - xã hội của huyện Duy Tiên.

- Huyện Kim Bảng: Xác định là trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng. Hình thành hai thị trấn mới là Nhật Tân và Tượng Lĩnh, mở rộng thị trấn Quế, Ba Sao.
- Huyện Thanh Liêm: Mở rộng thị trấn Non, Kiện Khê. Hình thành hai thị trấn mới là thị trấn trung tâm huyện lỵ và Phố Cà. Đây là trung tâm dịch vụ công nghiệp và vật liệu xây dựng.
- Huyện Lý Nhân: Hình thành ba thị trấn mới là Nhân Hậu, Nhân Mỹ và Cầu Không. Mở rộng thị trấn Vĩnh Trụ. Đây là trung tâm sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh.
- Huyện Bình Lục: Hình thành bốn thị trấn mới là: Chợ Sông, Ba Hàng, Đô Hai, An Nội. Mở rộng thị trấn Bình Mỹ. Mục tiêu là trung tâm thương mại, phát triển nông nghiệp của Tỉnh.

2.3 TỔNG QUAN VỀ TRÌNH ĐỘ VÀ CHUYÊN MÔN CỦA CÁC BỘ CẤP XÃ, HUYỆN NÓI CHUNG VÀ VỀ LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM NÓI RIÊNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

Trong quá trình xây dựng NTM theo bộ tiêu chí của Chính phủ, các xã huyện phải huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực: vị trí địa lí, các nguồn lực tự nhiên (địa hình, khí hậu, đất đai, sông ngòi, sinh vật và khoáng sản); các nguồn lực kinh tế-xã hội (truyền thống văn hóa, dân cư và nguồn lao động, cơ sở hạ tầng, đường lối, chính sách, thị trường và vốn đầu tư),... trong đó, nguồn lực con người là một vấn đề quan trọng.

Qua khảo sát điều tra xã hội học tại Hà Nam, đề tài đã tổng kết được các thông tin từ các cán bộ cấp xã, huyện. Trước khi được giao quyền quản lý về QHXD NTM, họ là những cá nhân được đào tạo từ nhiều ngành nghề khác nhau, trình độ và chuyên môn không đồng đều. Sau khi Chương trình quốc gia về xây dựng NTM tiến hành, họ trở thành đội ngũ tiếp nhận, quản lý và thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên, do chưa được đào tạo về chuyên môn quy hoạch xây dựng, họ gặp nhiều khó khăn và lúng túng trong việc thể hiện vai trò của mình:

- + Vai trò làm chủ đầu tư – làm chủ quy hoạch;
- + Vai trò là cầu nối giữa đơn vị tư vấn với người dân địa phương; Quy hoạch phải có sự tham gia của cộng đồng;
- + Vai trò công bố, phổ biến QHXD NTM cho cộng đồng.

Từ những thực tế xuất phát ở đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở tại Hà Nam, dẫn đến tình trạng xây dựng NTM gặp nhiều khó khăn. Do không xác định được vai trò vị trí của mình, không tự tin trong quản lý, thực hiện quy hoạch nên đội ngũ cán bộ hoàn toàn bị động. Họ tiếp nhận quy hoạch trong khi chưa nắm được nhiệm vụ của QHXD của địa phương mình hay đọc hiểu nội dung bản vẽ. Nếu gặp phải đơn vị tư vấn kém năng lực hay đồ án quy hoạch còn thiếu tính phù hợp, họ không đủ khả năng để thể hiện vai trò của mình. Để từ đó đóng góp ý kiến, xác định nguồn lực phát triển và hay điều chỉnh quy hoạch trong quá trình thực hiện xây dựng NTM.

Trên thực tế, các cán bộ cấp xã, huyện không phải chỉ tiếp nhận và thực hiện QHXD mà còn phải là đội ngũ tham gia trực tiếp vào quá trình lập quy hoạch, tham gia giải quyết các bài toán kinh tế xã hội sang bài toán không gian. Là đội ngũ gắn kết

giữa QHXD của xã, huyện mình với các vùng lân cận nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng của đồ án và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của huyện và tỉnh.

2.4 CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆC ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

Từ năm 2009 đến nay việc quy hoạch NTM đã được tiến hành trên cả nước tuy nhiên sau 3 năm triển khai có thể thấy một số nội dung của tiêu chí chưa hoàn chỉnh, chưa bền vững, chưa phù hợp với từng vùng, một số nội dung triển khai còn chậm, việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân địa phương còn chưa được quy chế hóa. Số lượng đơn vị tư vấn quy hoạch còn ít, một số đơn vị có năng lực chưa cao, thiếu chiều sâu, nhiều đồ án quy hoạch mang tính sao chép không phù hợp với thực tế và đặc thù của địa phương.

Tại tỉnh Hà Nam sau 3 năm thực hiện quy hoạch xây dựng NTM, một số đồ án quy hoạch xây dựng cho các xã, huyện đã được phê duyệt và đưa vào triển khai. Các đồ án quy hoạch do các đơn vị tư vấn lập bước đầu được chuyển giao từ ban quản lý các Sở, Ban ngành về các xã, huyện. Tuy nhiên sau khi tiếp nhận, việc quản lý và thực hiện của các cán bộ cấp xã, huyện còn nhiều bất cập và đặt ra các vấn đề thực tiễn:

+ *Hiện nay các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn cho các xã, huyện đã được thực hiện và phê duyệt thông qua các Sở ban ngành ở tuyến trên. Dẫn đến khi chuyển giao xuống các xã, huyện các cán bộ quản lý quy hoạch xây dựng chưa nắm được các thông tin cụ thể. Một số cán bộ quản lý và người dân địa phương không được tham gia đóng góp ý kiến vào quy hoạch.*

+ *Phần lớn các cán bộ quản lý quy hoạch xây dựng cấp xã, huyện được đào tạo từ nhiều chuyên ngành khác nhau, ít liên quan đến quy hoạch xây dựng. Cho nên khi tiếp nhận hồ sơ đồ án và quản lý thực hiện còn gặp nhiều khó khăn trong việc đọc và hiểu các loại hồ sơ của đồ án.*

+ *Trong quá trình tổ chức thực hiện theo các quy hoạch đang có, có thể xuất hiện các yêu cầu mới, chưa có trong dự báo, hoặc sau mỗi giai đoạn 5 năm, công tác quy hoạch cần thực hiện việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu, tình hình mới. Do vậy, các cán bộ quản lý cấp xã, huyện cần phải được đào tạo, bổ sung các kiến thức về lĩnh vực quy hoạch xây dựng để có thể kịp thời điều chỉnh các đồ án quy hoạch theo đúng quy định.*

III. CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CHO VIỆC ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.

3.1 CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.

3.1.1 Chủ trương, chính sách của Chính phủ và Nhà nước liên quan đến quy hoạch xây dựng NTM.

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM là chương trình mang tính tổng hợp, sâu, rộng, có nội dung toàn diện; bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng. Mục tiêu chung của chương trình được Chính phủ xác định là: *xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta khẳng định xây dựng NTM là một nhiệm vụ quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng đã nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ của xây dựng NTM đến năm 2020 là: *Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng NTM phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn, giữ gìn và phát huy nét văn hóa bản sắc của nông thôn Việt Nam.*

Thực hiện đường lối của Đảng, trong thời gian qua, phong trào xây dựng NTM đã diễn ra sôi nổi ở khắp các địa phương trên cả nước, thu hút sự tham gia của cả cộng đồng, phát huy được sức mạnh của cả xã hội. Quá trình xây dựng NTM đã đạt được thành tựu khá toàn diện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đảm bảo, tạo sự thuận lợi trong giao lưu buôn bán và phát triển sản xuất; Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế có hiệu quả gắn với xây dựng NTM, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất tinh thần cho người dân; Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường; Dân chủ cơ sở được phát huy; An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; Vị thế của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao. Những thành tựu đó đã góp phần thay đổi toàn diện bộ mặt nông thôn, tạo cơ sở vững chắc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Quy hoạch xây dựng NTM là nội dung quan trọng đầu tiên trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2010. Trong đó bao gồm 11 nội dung:

1. Quy hoạch xây dựng NTM;

2. *Phát triển hạ tầng kinh tế*
3. *Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập;*
4. *Giảm nghèo và an sinh xã hội;*
5. *Đổi mới và phát triển các hình thức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn;*
6. *Phát triển giáo dục đào tạo ở nông thôn;*
7. *Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe dân cư nông thôn;*
8. *Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn;*
9. *Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;*
10. *Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn nông thôn;*
11. *Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.*

3.1.2 Chủ trương, chính sách của Chính phủ và Nhà nước liên quan đến việc đào tạo cán bộ cấp xã, huyện về quy hoạch xây dựng NTM

Sau 3 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020, quá trình quy hoạch xây dựng đã bước đầu phủ kín ở các xã, huyện. Tuy nhiên, để đảm bảo cho quá trình thực hiện thì việc nâng cao chất lượng cán bộ cấp xã, huyện về quy hoạch xây dựng đã trở thành một trong những yêu cầu cấp thiết trong tình hình hiện nay. Tại điều 13 của Thông tư liên tịch 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC đã hướng dẫn cho các dự án, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng NTM. Nội dung của Thông tư nêu rõ các đối tượng cần được đào tạo, bồi dưỡng bao gồm từ cán bộ xây dựng NTM cấp trung ương, cấp tỉnh cho đến cấp huyện, xã. Trong đó:

- Cán bộ xây dựng NTM ở cấp huyện bao gồm: Cán bộ của các phòng, ban có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM, thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng NTM của huyện.
- Cán bộ cấp xã bao gồm: Toàn bộ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã, thôn và thành viên các ban phát triển thôn, lãnh đạo các doanh nghiệp, HTX, chủ trang trại trên địa bàn xã.

Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ cấp xã, huyện:

- *Các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM;*
- *Nội dung xây dựng NTM theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;*

- Chính sách và kinh nghiệm của một số quốc gia đã thành công về phát triển nông thôn;
- Nguyên tắc, phương pháp, cơ chế vận hành trong xây dựng NTM (nguyên tắc chỉ đạo, cơ chế tài chính, nguyên tắc và cơ chế huy động nguồn lực, cơ chế quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp trong Chương trình xây dựng NTM);
- Trình tự, nội dung các bước tiến hành xây dựng NTM ở cấp xã;
- Kỹ năng, phương pháp chỉ đạo xây dựng NTM;
- Phát triển kinh tế và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở và sự tham gia của cộng đồng trong việc tham gia thực hiện Chương trình xây dựng NTM: Tổ chức họp dân, tổng hợp ý kiến, lập kế hoạch, giám sát đầu tư; cơ chế giám sát cộng đồng;
- Kỹ năng về tuyên truyền, vận động người dân và cộng đồng tham gia xây dựng NTM;
- Tham quan, nghiên cứu thực địa các mô hình xây dựng NTM trong nước.

Trong Thông tư cũng đã hướng dẫn về thời gian, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cũng như kinh phí thực hiện từ các nguồn ngân sách. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý cấp xã, huyện được nâng cao kiến thức về quy hoạch xây dựng NTM.

3.2 TÌNH HÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI DỰA TRÊN ĐẶC THÙ ĐỊA PHƯƠNG CỦA CÁC XÃ, HUYỆN TẠI TỈNH HÀ NAM

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chiến lược đặt ra nhiều vấn đề cần tập trung nỗ lực của Nhà nước và nhân dân. Trong đó, vai trò chủ thể của nông dân mang tính quyết định trên mảnh đất mà họ đang sống, sinh hoạt, sản xuất kinh doanh... Khi vai trò chủ thể của nông dân được xác lập, chính quyền các cấp cần tập trung đẩy mạnh việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp với từng vùng, từng địa phương cho sát đúng với lợi thế của từng xã, huyện. Từ đó để đổi mới và tổ chức lại sản xuất nông, lâm, ngư, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ ở nông thôn cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Xây dựng NTM không phải chỉ là xây dựng các đề án khả thi, không phải để phô trương, quảng cáo mà cái chính là xem nó có đáp ứng được sự phát triển kinh tế - xã hội, có đem lại lợi ích thiết thực cho người dân địa phương, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo nên sự hòa hợp, đoàn kết trong thôn xóm, sự giàu đẹp cho quê hương hay không. Dù sao, đất đai, của cải, các phương tiện khoa học công nghệ... cũng chỉ là điều kiện để tiến hành xây dựng. Còn xây dựng thành công ít hay nhiều, thấp hay cao lại chính do con người biết tận dụng các điều kiện ấy để thực hiện. Vì vậy, ngay sau khi đã thống nhất về quy hoạch, vấn đề đặt ra tiếp theo là phải giải quyết khâu đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở.

UBND tỉnh Hà Nam yêu cầu các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo các xã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng NTM cả về nội dung cũng như hình thức, để cán bộ và nhân dân nhận thức đúng, đầy

đủ các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về xây dựng NTM; chỉ đạo các xã tập trung rà soát lại quy hoạch, đề án xây dựng NTM đã phê duyệt, đồng thời lựa chọn các tiêu chí cần ưu tiên thực hiện trong năm 2012, giao chỉ tiêu phấn đấu mỗi xã đạt 3 tiêu chí trở lên và coi đây là chỉ tiêu đánh giá công tác thi đua khen thưởng của năm. Các huyện, thành phố phải tổng hợp nhu cầu vốn của các xã, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, xác định xây dựng NTM phải phát huy nội lực là chính, từ đó huy động tổng hợp các nguồn lực. Trên cơ sở đó phân bổ hợp lý nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh, huyện cho các xã, đồng thời có những hướng dẫn, cơ chế hỗ trợ kịp thời các nội dung, hạng mục công trình mang tính chất thiết thực cao, giúp các xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Toàn tỉnh Hà Nam có trên 40 làng nghề. Có những làng nghề truyền thống lâu đời như dệt lụa Nha Xá, trồng Đọi Tam, mây giang đan Ngọc Động (Duy Tiên), sừng mỹ nghệ (Bình Lục), gốm Quyết Thành, nghề mộc (Kim Bảng), thêu ren xã Thanh Hà (Thanh Liêm),... *Việc đánh giá tiềm năng về bảo tồn và phát triển các làng nghề sẽ góp phần giải quyết bài toán về chuyển đổi cơ cấu kinh tế thành bài toán không gian trên địa bàn tỉnh.*

Về công nghiệp, tỉnh Hà Nam đã đầu tư xây dựng nhiều khu công nghiệp. Tập trung trên địa bàn Đồng Văn TP Phủ Lý, Hòa Mạc huyện Duy Tiên, Thanh Bình, Liêm Phong,... tạo việc làm cho nhiều nhân lực trong tỉnh và vùng lân cận. Tuy nhiên, việc phát triển công nghiệp dồn dập cũng đã ít nhiều mang lại các hậu quả về môi trường, song tỉnh cũng đã từng bước thanh - kiểm tra các khu công nghiệp và dần tốt đẹp hơn. Nhiều khu công nghiệp đã có hệ thống xử lý rác thải hoạt động hiệu quả và kinh tế.

Về nông nghiệp, hình thành vùng cây lương thực chuyên canh, thâm canh có năng suất cao ở ba huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục. Tại đây đầu tư vùng lúa đặc sản xuất khẩu có năng suất cao. Chuyên diện tích trồng ở vùng độc canh, hoang hoá sang sản xuất đa canh để nuôi trồng thủy sản là 5.188 ha. Chuyển một phần đất màu sang trồng rau sạch chuyên canh và trồng hoa. Các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu: bò, bò sữa, lợn, dê, gia cầm,...

Về văn hóa, Hà Nam là tỉnh có nền văn minh lúa nước lâu đời và nền văn hóa dân gian phong phú, thể hiện qua các điệu chèo, hát chầu văn, hầu bóng, ả đào, đặc biệt là hát dặm. Đây cũng là vùng đất có nhiều lễ hội truyền thống và di tích lịch sử. *Do vậy trong quá trình quy hoạch xây dựng NTM cần phải khảo sát đánh giá hiện trạng hết sức thận trọng để không làm mất đi nét văn hóa đặc trưng vốn có của địa phương.*

3.3 CÁC VẤN ĐỀ CỦA CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN TRONG QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM

3.3.1 Trình độ và chuyên môn của các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng NTM

Chương trình xây dựng nông thôn mới đang được triển khai diện rộng trên khắp cả nước, bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng, mang lại những chuyển biến tích cực ở nhiều vùng nông thôn. Song, công tác quy hoạch - vốn được coi là yếu tố

then chốt để quyết định diện mạo của một vùng nông thôn mới, lại đang gặp nhiều vấn đề gây tác động không nhỏ đến hiệu quả thực hiện chương trình. *Một trong những khó khăn mà hầu hết các địa phương hiện nay đang gặp phải là chất lượng của các cán bộ quản lý cấp xã, huyện trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng.*

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã, huyện phục vụ QHXD nông thôn mới, cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- *Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ cấp xã, huyện, trước hết phải nhận thức đúng về vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn, từ đó phát huy trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.*
- *Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở phải hướng vào trọng tâm, trọng điểm. Do trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế nên cần phải quan tâm bồi dưỡng, nâng cao kiến thức. Đội ngũ cán bộ cần được đào tạo về chuyên môn, lý luận chính trị, đặc biệt chuyên sâu về lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế và kỹ năng lãnh đạo, quản lý về quy hoạch xây dựng. Khi có trình độ chuyên môn, lý luận đội ngũ cán bộ cơ sở có thể chủ động, tự tin khi trao đổi, hướng dẫn những nội dung xây dựng NTM cho người dân, đồng thời phát huy hết những khả năng của người dân phục vụ xây dựng NTM. Phát huy quyền làm chủ của cán bộ cơ sở trong QHXD, quản lý và thực hiện theo quy hoạch.*
- *Tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, giao lưu học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng NTM.*

Đội ngũ cán bộ quản lý cấp xã, huyện có vai trò rất quan trọng trong xây dựng NTM. Nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở là nhân tố có ý nghĩa quyết định, lâu dài đối với sự chuyển biến ở nông thôn, đặc biệt trong khâu đầu tiên là QHXD.

3.3.2 Các khó khăn, vướng mắc của các cán bộ cấp xã, huyện trong quá trình quản lý, thực hiện quy hoạch xây dựng NTM

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, ngành nghề dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh chính trị được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng nông thôn mới hiện nay, điều cần quan tâm là tuyên truyền, phát động vai trò chủ thể của các cán bộ cơ sở và người nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Đây là bài học khẳng định nhân tố con người nhằm phát huy tiềm năng của người nông dân vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Để làm được điều này không thể thiếu trách nhiệm của các cán bộ cơ sở trong việc phổ biến các thông tin về Chương trình xây dựng NTM, thuyết phục nông dân thực hiện theo đồ án quy hoạch, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được phê duyệt. Do vậy năng lực, trình độ, phong cách, phẩm chất của người cán bộ ở cơ sở phải không ngừng được nâng cao nhằm quản lý, điều hành có hiệu quả trên các mặt công tác khi nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát huy vai trò của nông dân là thực hiện có hệ thống của các biện pháp về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường... nhằm phát triển toàn diện hình ảnh nông thôn mới theo hướng văn minh, dân chủ, hiện đại. Vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại thể hiện khi chủ thể tích cực tham gia vào quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Người dân phải là chủ thể sáng tạo trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở nông thôn. Nông dân còn là chủ thể tích cực, sáng tạo trong xây dựng và giữ gìn đời sống vật chất, văn hóa, xã hội, môi trường sống, sinh hoạt ở nơi làng xã. Nông dân là chủ thể quan trọng góp phần xây dựng hệ thống chính trị, xã hội vững mạnh, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ở cơ sở. Do đó, địa phương phải có kế hoạch nhằm đào tạo một đội ngũ cán bộ có kiến thức về quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, quản lý đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quản lý tài chính và hành chính, có năng lực điều hành hiệu quả các mặt của đời sống nông thôn hiện đại.

Tuy nhiên trên thực tế, hầu hết các cán bộ quản lý cấp cơ sở đều thiếu thông tin, kiến thức về quy hoạch xây dựng, việc đọc - hiểu các bản vẽ quy hoạch còn khó khăn dẫn đến thiếu tự tin, bị động khi phối hợp với đơn vị tư vấn. Họ chưa phát huy vai trò của chủ đầu tư, quyền làm chủ trong đánh giá, góp ý vào các đồ án quy hoạch. Đồng thời, các cán bộ cơ sở phải có trách nhiệm kiểm tra nội dung các đồ án đã thực sự phù hợp với các đặc thù riêng của địa phương hay chưa, có phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng xã, huyện và toàn tỉnh hay không...

3.4 CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM VÀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM

3.4.1 Nội dung quy hoạch xây dựng NTM:

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng, gồm 11 nội dung. Trong đó nội dung tiêu chí quy hoạch xây dựng là tiêu chí quan trọng đầu tiên, bao gồm nội dung:

- a) Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ;
- b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới;
- c) Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp;

3.4.2 Nội dung đồ án quy hoạch xây dựng NTM:

- a) Phân tích và đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã để xác định động lực phát triển, tính chất đặc trưng vùng, miền, định hướng phát triển kinh tế - xã hội; dự báo quy mô dân số, dự báo sử dụng quỹ đất xây dựng cho từng điểm dân cư, dự báo những khó khăn vướng mắc trong quá trình quy hoạch xây dựng.

b) Định hướng tổ chức không gian, phân khu chức năng sản xuất, sinh sống, các vùng có tính đặc thù, hệ thống các công trình công cộng, xác định mạng lưới thôn, bản, hệ thống các công trình phục vụ sản xuất.

c) Xác định quy mô diện tích, cơ cấu, ranh giới sử dụng đất, các chỉ tiêu về đất đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ, đất ở, đất sản xuất, đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhu cầu phát triển. Xác định giải pháp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bố trí các lô đất theo chức năng sử dụng với quy mô đáp ứng yêu cầu phát triển của từng giai đoạn quy hoạch và bảo vệ môi trường.

d) Xác định hệ thống dân cư tập trung thôn, bản trên địa bàn hành chính xã phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán văn hóa của từng vùng miền, xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cụ thể, gồm:

- Quy mô, chỉ tiêu cơ bản về đất, nhà ở và công trình công cộng tại thôn, bản.

- Các chỉ tiêu cơ bản của công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ sản xuất chủ yếu trong thôn, bản.

e) Hệ thống công trình công cộng cấp xã:

- Xác định vị trí, quy mô, nội dung cần cải tạo, chỉnh trang hoặc được xây dựng mới các công trình công cộng, dịch vụ như các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ cấp xã và ở các thôn, bản phù hợp với điều kiện địa lý, kinh tế, văn hóa – xã hội và tập quán sinh sống của nhân dân.

- Xác định hệ thống các công trình di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan có giá trị.

f) Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các thôn, bản và vùng sản xuất.

g) Xác định các dự án ưu tiên đầu tư tại trung tâm xã và các thôn, bản, khu vực được lập quy hoạch.

IV. CHƯƠNG 3: ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

4.1 NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM

Từ năm 2009 đến nay việc quy hoạch nông thôn mới đã được tiến hành trên cả nước tuy nhiên sau 3 năm triển khai có thể thấy một số nội dung của tiêu chí chưa hoàn chỉnh, chưa bền vững, chưa phù hợp với từng vùng, một số nội dung triển khai còn chậm, việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân địa phương còn chưa được quy chế hóa. Số lượng đơn vị tư vấn quy hoạch còn ít, một số đơn vị có năng lực chưa cao, thiếu chiều sâu, nhiều đồ án quy hoạch mang tính sao chép không phù hợp với thực tế của địa phương.

Để bước đầu hình thành mô hình NTM đạt chuẩn 19 tiêu chí của Chính phủ, *Quy hoạch NTM phải là nhạc trưởng của tất cả các chương trình hành động vì đây là xây dựng một xã hội mới với đúng nghĩa của nó. Có quy hoạch nông thôn phù hợp mới hạn chế và giảm các quy hoạch chắp vá, tùy tiện, giữ gìn và phát huy các không gian kiến trúc truyền thống vốn có và quan trọng nhất là đáp ứng được yêu cầu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quy hoạch nông thôn cần được nghiên cứu kỹ về quy mô, loại hình thiết kế, kiến trúc cảnh quan, môi trường, các chỉ tiêu về sử dụng đất, tiêu chuẩn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... để phù hợp với hiện trạng, với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương. Để các đồ án quy hoạch xây dựng NTM đạt hiệu quả và có tính thực tế cao cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:*

a) Quy hoạch nông thôn mới cấp xã là định hướng không gian sinh sống, sản xuất; phân khu sản xuất và sử dụng đất gọi là đồ án quy hoạch chung;

b) Mỗi xã lập một "Đồ án quy hoạch chung", phải tuân thủ đồ án quy hoạch vùng (quy hoạch vùng Huyện, vùng Tỉnh, hoặc Quy hoạch chung đô thị) ở các cấp trên và những quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn đã ban hành.

c) Các trường hợp được xem xét điều chỉnh đồ án quy hoạch đã có:

Đối với những xã đã có quy hoạch xây dựng nông thôn được duyệt nhưng chưa đáp ứng các chỉ tiêu về xây dựng xã nông thôn mới quy định tại Bộ tiêu chí nông thôn mới ban hành tại Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ; có biến động về địa lý tự nhiên chính sách, chủ trương làm thay đổi các dự báo của quy hoạch được duyệt Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng quyết định việc điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới. Khi điều chỉnh quy hoạch cần tập trung vào những nội dung thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt.

d) Quy hoạch chung cấp xã được duyệt là căn cứ để lập đề án, các đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã, cải tạo chỉnh trang thôn bản, quy hoạch chi tiết khu dân cư mới, dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới.

Ngoài ra, việc triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc nằm ở khâu quản lý và thực hiện. Trong đó có việc bổ sung kiến thức về quy hoạch xây dựng cho các cán bộ cấp xã, huyện. Đây là đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý thực hiện và tham gia điều chỉnh quy hoạch phù hợp với thực tế.

Tại Hà Nam tính đến năm 2013, 100% huyện, xã trên toàn tỉnh đã được phủ kín quy hoạch xây dựng NTM. Nhiều đồ án quy hoạch có chất lượng, có chiều sâu chiến lược đã được các cấp phê duyệt và bắt đầu triển khai. Tuy nhiên, khi chuyển sang giai đoạn triển khai xây dựng các cán bộ cấp xã, huyện còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong quản lý, khó khăn khi đọc hiểu các bản vẽ quy hoạch hay bị động, ngại ngần trong việc tham gia ý kiến vào điều chỉnh quy hoạch. Qua khảo sát điều tra xã hội học đối với các cán bộ cấp xã, huyện cho thấy đại đa số các cán bộ đều được đào tạo từ nhiều ngành – nghề khác nhau, ít có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch – xây dựng. Dẫn đến khả năng vận dụng, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện còn chưa cao.

Sau 3 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM, Chính phủ đã som nhận thấy tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng của các cán bộ cấp xã, huyện. Năm 2011, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&ĐT, Bộ TC đã ban hành nhiều Thông tư nhằm khuyến khích hình thành, xây dựng các chương trình đào tạo để bổ sung kiến thức cho các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng. Tuy nhiên từ năm 2011 đến nay vẫn chưa có chương trình đào tạo nào thực sự hiệu quả, đặc biệt tại địa bàn tỉnh Hà Nam. Do các chương trình đào tạo chưa có sự kết nối giữa các Sở, Ban ngành và với các cán bộ cấp xã, huyện, các chương trình xây dựng chưa đáp ứng đúng nhu cầu của các cán bộ quản lý, các nguồn kinh phí hỗ trợ còn gặp nhiều khó khăn,...Theo hướng dẫn trong Thông tư của Chính phủ, việc xây dựng chương trình đào tạo các cán bộ cấp xã, huyện phải tuân theo các nguyên tắc chung sau:

- *Xây dựng các chương trình đào tạo phải tuân thủ theo các chủ trương, đường lối của Chính phủ về Chương trình xây dựng NTM, đặc biệt là lĩnh vực quy hoạch xây dựng;*
- *Xây dựng các chương trình đào tạo phải phù hợp với nội dung, yêu cầu, trình độ, chuyên môn, thời gian của từng đối tượng cần đào tạo nâng cao kiến thức. Phải có khảo sát điều tra các cán bộ cấp xã, huyện để nắm được các ý kiến chung, các nội dung kiến thức mà các cán bộ cơ sở cần bổ sung trong chương trình đào tạo;*
- *Hình thành chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức tổng quát, đầy đủ về tình hình thực tế và về lĩnh vực quy hoạch xây dựng NTM;*
- *Xây dựng chương trình đào tạo có sự kết hợp giữa nội dung lý thuyết và tham quan thực tế, các mô hình NTM ở một số địa phương đạt hiệu quả, các đồ án quy hoạch xây dựng NTM có chất lượng;*

4.2 NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM

4.2.1 Các môn học đề xuất trong chương trình đào tạo:

- Môn học 1: Quy hoạch xây dựng NTM;
- Môn học 2: Lập quy hoạch xây dựng NTM;
- Môn học 3: Quản lý quy hoạch xây dựng NTM;
- Môn học 4: Thực hiện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM;

4.2.2 Môn học 1: Quy hoạch xây dựng NTM:

Mục tiêu đào tạo: Hướng dẫn các cán bộ cấp xã, huyện đọc hiểu hồ sơ bản vẽ quy hoạch NTM.

STT	Nội dung đào tạo		Số tiết
1	Phần 1	Các khái niệm cơ bản trong quy hoạch xây dựng NTM.	4
2	Phần 2	Các vấn đề liên quan đến quy hoạch xây dựng NTM và đồ án quy hoạch xây dựng NTM.	12
3	Phần 3	Hệ thống ký hiệu trong các đồ án quy hoạch xây dựng NTM.	4
	Tổng số tiết		20

Phần I: Các khái niệm cơ bản trong quy hoạch xây dựng NTM:

a) Quy hoạch xây dựng nông thôn:

Là việc tổ chức không gian mạng lưới điểm dân cư nông thôn, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn xã hoặc liên xã. Hay nói một cách khác, quy hoạch NTM là bố trí, sắp xếp các khu chức năng, sản xuất, dịch vụ, hạng tầng kinh tế - xã hội - môi trường trên địa bàn, theo tiêu chuẩn NTM, gắn với đặc thù, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; được mọi người dân của xã trong mỗi làng, mỗi gia đình ý thức đầy đủ, sâu sắc và quyết tâm thực hiện.

Quy hoạch xây dựng nông thôn bao gồm quy hoạch xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã hoặc liên xã (còn gọi là quy hoạch chung xây dựng xã) và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn (còn gọi là quy hoạch chi tiết trung tâm xã, thôn, làng, xóm, bản,...).

b) Quy hoạch sử dụng đất nông thôn:

Quy hoạch sử dụng đất là hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của Nhà nước về tổ chức sử dụng, quản lý đất đai nói chung, đất đai nông thôn nói riêng một cách đầy đủ, hợp lý, khoa học và có hiệu quả cao nhất thông qua việc tính toán, phân bổ quỹ đất cho các ngành, cho các mục đích sử dụng, cho các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đai nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế- xã hội và tạo điều kiện bảo vệ đất đai, môi trường sinh thái.

c) Quy hoạch sản xuất:

Sản xuất nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm các tiểu ngành: nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp.

Quy hoạch sản xuất nông nghiệp bao gồm: việc xác định phương án sản xuất nông nghiệp theo từng giai đoạn trong tương lai, bố trí không gian và hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất: bao gồm việc xác định hướng, tuyến, vị trí và quy hoạch phát triển các công trình giao thông, thủy lợi, điện phục vụ quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

Quy hoạch bố trí sử dụng đất nông nghiệp: bao gồm việc bố trí quỹ đất cho các loại hình phát triển nông, lâm, ngư, diêm nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và môi trường của địa phương.

d) Điểm dân cư nông thôn:

Là nơi cư trú tập trung của nhiều hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong phạm vi một số khu vực nhất định bao gồm trung tâm xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn) được hình thành do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán và các yếu tố khác.

e) Khu chức năng xã, thôn, xóm, bản, làng, trung tâm xã:

Là khu đất thuộc xã hoặc thôn, xóm, bản, làng, trung tâm xã...được sử dụng với mục đích bố trí các hoạt động kinh tế, xã hội như cư trú, sản xuất, kinh doanh, văn hóa, giải trí, giáo dục, y tế và mục đích khác của cộng đồng dân cư sở tại.

f) Phân khu chức năng xã, thôn, xóm, bản, làng, trung tâm xã:

Là việc phân chia khu vực quy hoạch xã hoặc thôn, xóm, bản, làng, trung tâm xã theo các khu chức năng phục vụ mục đích hoạt động kinh tế, xã hội và mục đích khác của cộng đồng dân cư.

g) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- + **Chỉ tiêu sử dụng đất:** Là chỉ tiêu để quản lý phát triển không gian, kiến trúc được xác định cụ thể cho một khu vực hay một lô đất bao gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa, chiều cao tối thiểu của công trình.
- + **Mật độ xây dựng tối đa:** Tỷ lệ giữa diện tích xây dựng công trình (m^2 – diện tích chiếm đất được tính theo hình chiếu của mái che công trình) trên diện tích toàn lô đất, tính bằng %.
- + **Hệ số sử dụng đất:** Được tính bằng tổng diện tích sàn toàn công trình (m^2)/diện tích toàn lô đất, không tính diện tích tầng hầm, mái (m^2).
- + **Chỉ giới đường đỏ:** Là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất để xây dựng công trình và phần đất dành cho đường giao thông hoặc công trình kỹ thuật hạ tầng, không gian công cộng khác.
- + **Chỉ giới xây dựng:** Là đường đỏ giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất.

h) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

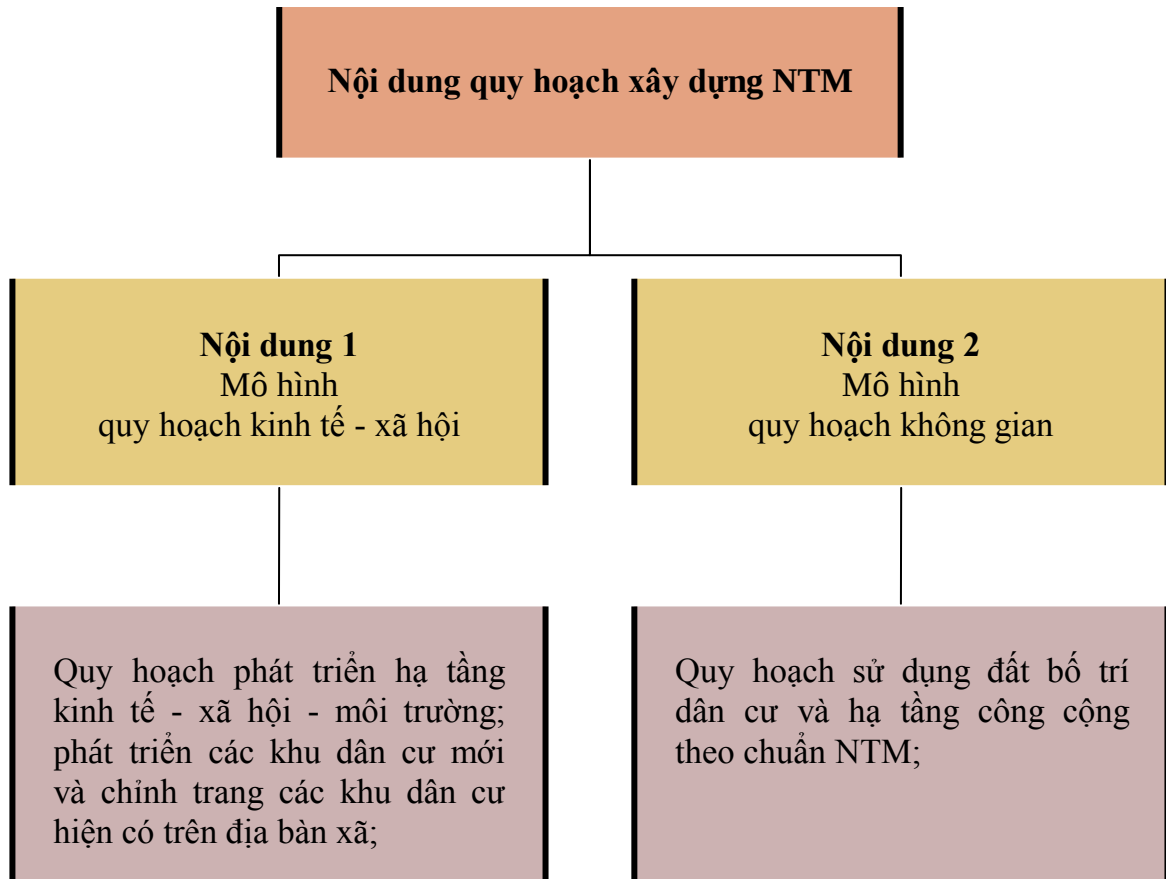
Bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý các chất thải, nghĩa trang và các công trình khác.

i) Hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

Bao gồm các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên, mặt nước và các công trình đầu mối phục vụ sản xuất khác.

Phần II: Các vấn đề liên quan đến quy hoạch xây dựng NTM và đồ án quy hoạch xây dựng NTM

A) Nội dung quy hoạch xây dựng NTM của Chính phủ (theo quyết định Số: 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010):



Trong đó, quy hoạch xây dựng NTM của xã bao gồm:

- 1) Quy hoạch sử dụng đất bố trí dân cư và hạ tầng công cộng theo chuẩn NTM;
- 2) Quy hoạch sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp), đất cho sản xuất công nghiệp - dịch vụ và hạ tầng phục vụ sản xuất kèm theo;

B) Yêu cầu của quy hoạch:

- 1) Quy hoạch hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện); quy hoạch sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - dịch vụ của xã phải phù hợp với quy hoạch của vùng (huyện hoặc liên xã);
- 2) Trên cơ sở các bản đồ thực trạng đã có (trong trường hợp không có bản đồ địa hình thì sử dụng bản đồ địa chính), căn cứ vào yêu cầu các quy chuẩn mới về hạ tầng (do các Bộ liên quan ban hành), yêu cầu mới về phát triển dân cư, phát triển công nghiệp, sản xuất nông nghiệp hàng hóa và hạ tầng phục vụ sản xuất ... khi quy hoạch, phải điều chỉnh lại cho phù hợp;

C) Nhiệm vụ của quy hoạch:

1) Xây dựng quy hoạch chung (còn gọi là quy hoạch tổng thể): Sản phẩm của quy hoạch chung là 01 bản đồ quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 và bản thuyết minh quy hoạch;

2) Xây dựng quy hoạch chi tiết cho:

a) Khu dân cư và hạ tầng công cộng khu dân cư;

b) Quy hoạch chi tiết khu sản xuất nông nghiệp kèm hạ tầng cho khu này;

c) Quy hoạch chi tiết sản xuất công nghiệp - dịch vụ và hạ tầng kèm theo.

Sản phẩm của quy hoạch chi tiết là các bản đồ tỷ lệ 1/2000 và bản thuyết minh quy hoạch;

1) Nội dung quy hoạch xây dựng mạng lưới các điểm dân cư nông thôn:

- + Phân tích và đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã để xác định động lực phát triển, xu thế đô thị hoá, dự báo quy mô dân số, dự báo sử dụng quỹ đất xây dựng cho từng điểm dân cư, dự báo những khó khăn vướng mắc trong quá trình quy hoạch xây dựng nông thôn.
- + Bố trí mạng lưới điểm dân cư nông thôn tập trung. Phân khu chức năng đối với hệ thống các công trình công cộng, hệ thống các công trình phục vụ sản xuất.
- + Xác định mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối giữa các điểm dân cư nông thôn tập trung, các công trình công cộng và các công trình phục vụ sản xuất.
- + Xác định các dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện.

2) Nội dung quy hoạch xây dựng mới trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn tập trung và các khu tái định cư nông thôn bao gồm:

- + Trên cơ sở các yêu cầu đã được xác định tại quy hoạch xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn hành chính xã để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cụ thể.
- + Xác định ranh giới, quy mô diện tích và dân số, các chỉ tiêu về đất xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng, dịch vụ, cơ cấu sử dụng đất.
- + Xác định giải pháp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bố trí các lô đất theo chức năng sử dụng với quy mô đáp ứng yêu cầu phát triển của từng giai đoạn quy hoạch và bảo vệ môi trường.
- + Xác định vị trí và quy mô các công trình công cộng, dịch vụ và môi trường được xây dựng mới như các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ, điểm tập kết và trung chuyển chất thải rắn, nghĩa trang của mỗi điểm dân cư nông thôn.
- + Các dự án ưu tiên của trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn được lập quy hoạch.

3) Nội dung quy hoạch xây dựng cải tạo trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn tập trung có bao gồm:

- + Xác định mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật cần cải tạo, nâng cấp.
- + Xác định nội dung cần cải tạo, chỉnh trang, khu ở nông thôn, hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Các yêu cầu mở rộng đất đai xây dựng. Các nội dung phải đáp ứng các chỉ tiêu về quy mô dân số, cảnh quan sinh thái, môi trường, phạm vi ranh giới.
- + Việc mở rộng trung tâm xã hoặc các điểm dân cư nông thôn tập trung phải phù hợp với quy mô dân số, khả năng, nguồn lực phát triển trong từng giai đoạn.

D) Các yêu cầu của đồ án quy hoạch xây dựng NTM:

- Tuân thủ các văn bản pháp quy hiện hành về quy hoạch xây dựng;
- Tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan về bảo vệ các công trình kỹ thuật, công trình quốc phòng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và bảo vệ môi trường;
- Phù hợp với các đặc điểm của địa phương về:
 - + Điều kiện tự nhiên: địa hình, địa chất, thủy văn, đất đai, nguồn nước, môi trường, khí hậu, tài nguyên, cảnh quan;
 - + Kinh tế: hiện trạng và tiềm năng phát triển;
 - + Xã hội: dân số, phong tục, tập quán, tín ngưỡng...
- Đảm bảo việc xây dựng mới, cải tạo các điểm dân cư nông thôn đạt các yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, đảm bảo phát triển bền vững;
- Bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường;
- Bảo đảm cảnh quan và các di tích lịch sử, văn hóa, giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc; đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh;
- Sử dụng hợp lý vốn đầu tư, đất đai và tài nguyên;

E) Các quy định và chỉ tiêu có liên quan đến quy hoạch xây dựng NTM (theo QCVN 14:2009/BXD):

1) Quy hoạch không gian:

a) Yêu cầu đối với đất để xây dựng và mở rộng các điểm dân cư nông thôn:

- + Đất để xây dựng và mở rộng các điểm dân cư nông thôn không nằm trong các khu vực dưới đây:
 - Khu vực có môi trường bị ô nhiễm nặng chưa được xử lý;
 - Khu vực có khí hậu xấu, nơi gió quần, gió xoáy;
 - Khu vực có tài nguyên cần khai thác hoặc trong khu vực khảo cổ;
 - Khu vực cấm xây dựng (phạm vi bảo vệ các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh, khu bảo vệ công trình quốc phòng ...);
 - Khu vực thường xuyên bị ngập lụt quá sâu (ngập trên 3m), sạt lở, lũ quét.

+ Hạn chế sử dụng đất canh tác, cần tận dụng đất đồi, núi, gò bãi, đất có năng suất trồng trọt kém để xây dựng và mở rộng các điểm dân cư nông thôn.

b) Chỉ tiêu sử dụng đất:

Đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng không được nhỏ hơn quy định trong bảng sau.

Bảng chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn của các xã

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m²/người)
Đất ở (các lô đất ở gia đình)	≥ 25
Đất xây dựng công trình dịch vụ	≥ 5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥ 5
Cây xanh công cộng	≥ 2
Đất nông, lâm ngư nghiệp; đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất	Tuỳ thuộc vào quy hoạch phát triển của từng địa phương

c) Phân khu chức năng điểm dân cư nông thôn:

+ **Các điểm dân cư nông thôn của một xã gồm các khu chức năng chủ yếu sau:**

- Khu ở (gồm nhà ở và các công trình phục vụ trong thôn, xóm);
- Khu trung tâm xã;
- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật của xã;
- Các công trình hạ tầng xã hội của xã;
- Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (nếu có);
- Khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, du lịch, di tích lịch sử...).

+ **Các yêu cầu đối với phân khu chức năng trong quy hoạch điểm dân cư nông thôn:**

- Tiết kiệm đất canh tác (hạn chế việc mở rộng khu dân cư đã có trên đất nông nghiệp);
- Thuận tiện cho giao thông đi lại, sản xuất, ăn, ở, nghỉ ngơi giải trí, sinh hoạt công cộng;
- Bảo vệ môi trường;
- Tận dụng địa hình, cảnh quan thiên nhiên để tạo nên bố cục không gian kiến trúc phù hợp với bản sắc từng vùng;
- Phù hợp với các đặc điểm cụ thể của khu vực về: vị trí và tính chất (vùng ven đô hay vùng sâu, vùng xa, khu dân cư lâu năm hay khu kinh tế mới...); ngành nghề kinh tế của địa phương và phong tục, tập quán, tín ngưỡng;

2) Quy hoạch khu ở:

a) Lựa chọn khu đất xây dựng nhà ở phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Kế thừa hiện trạng phân bố dân cư và phù hợp với quy hoạch mạng lưới phân bố dân cư của khu vực lớn hơn có liên quan;
- Phát triển được một lượng dân cư thích hợp, thuận lợi cho tổ chức các công trình công cộng cần thiết như nhà trẻ, trường phổ thông cơ sở, cơ sở dịch vụ...;
- Phù hợp với đất đai, địa hình, có thể dựa vào địa hình, địa vật tự nhiên như đường sá, ao hồ, kênh mương, đồi núi, dải đất để phân định ranh giới.

Diện tích đất ở cho mỗi hộ gia đình phải phù hợp với quy định của địa phương về hạn mức đất ở được giao cho mỗi hộ gia đình.

b) Mỗi lô đất gia đình gồm đất dành cho:

- Nhà chính và nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ);
- Các công trình phụ (nhà tắm, nhà vệ sinh);
- Lối đi, sân, chỗ để rơm rạ, củi, rác, hàng rào;
- Đất vườn, đất ao...

Bố cục các thành phần trong lô đất phải đảm bảo thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất của hộ gia đình, đồng thời tạo bộ mặt kiến trúc cho thôn xóm.

c) Nhà ở trong các điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo tiêu chuẩn và tiện nghi, phù hợp với phong tục, tập quán và bản sắc văn hoá truyền thống của địa phương.

3) Quy hoạch khu trung tâm xã:

Tuỳ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, mỗi xã có thể có trung tâm chính và trung tâm phụ. Tại khu trung tâm phải bố trí các công trình quan trọng như:

- Trụ sở các cơ quan xã: Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Đảng uỷ, Công an, Xã đội, trụ sở Hợp tác xã, các đoàn thể (Hội Nông dân, Phụ nữ, Phụ lão, Đoàn Thanh niên, Hội cựu Chiến binh, Mặt trận Tổ quốc...);
- Các công trình công cộng của toàn xã: nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã, trung tâm văn hoá- thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông;
- Các xã có quy mô dân số ≥ 20.000 dân, phải quy hoạch trường phổ thông trung học.

a) Trụ sở cơ quan xã:

- Trụ sở Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan trực thuộc, trụ sở Đảng uỷ xã và các đoàn thể quần chúng cần được bố trí tập trung để thuận lợi cho giao dịch và tiết kiệm đất;

- Diện tích đất trụ sở cơ quan xã tối thiểu là 1.000m²;
- Định mức diện tích sử dụng trụ sở làm việc của trụ sở cơ quan xã được quy định tối đa theo từng khu vực với mức như sau:
 - + Khu vực đồng bằng, trung du không quá 500 m²;
 - + Khu vực miền núi, hải đảo không quá 400 m².

b) Nhà trẻ, trường mầm non:

Nhà trẻ, trường mẫu giáo cần được bố trí ngay trong hoặc gần khu nhà ở và được thiết kế theo tiêu chuẩn chuyên ngành và đạt chuẩn quốc gia.

c) Trường học phổ thông:

Mỗi xã phải quy hoạch trường tiểu học, trường trung học cơ sở, bố trí gần khu dân cư, yên tĩnh có điều kiện vệ sinh tốt, bảo đảm học sinh đi lại được an toàn và thuận tiện. Trường phải được thiết kế theo tiêu chuẩn chuyên ngành và đạt chuẩn quốc gia.

d) Trạm y tế:

- Mỗi xã phải có một trạm y tế với các bộ phận kế hoạch hóa gia đình, y tế cộng đồng, sản, khám bệnh, điều trị, nghiệp vụ (xét nghiệm đơn giản, pha chế thuốc nam, bán thuốc), vườn thuốc nam hoặc vườn cây, đảm bảo yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng dân cư ở tuyến cơ sở;
- Trạm y tế xã cần đặt tại nơi yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, có nguồn nước tốt và liên hệ thuận tiện với khu ở. Diện tích đất xây dựng trạm y tế tối thiểu là 500 m² nếu không có vườn thuốc và tối thiểu là 1.000 m² nếu có vườn thuốc;
- Trạm y tế xã phải được xây dựng đạt chuẩn quốc gia.

e) Trung tâm văn hóa, thể thao:

- Trung tâm văn hoá, thể thao cấp xã gồm nhà văn hóa, câu lạc bộ, phòng truyền thống, triển lãm, thông tin, thư viện, hội trường, đài truyền thanh, sân bãi thể thao... Tiêu chuẩn diện tích đất phù hợp với quy định của Bộ VH-TT-DL về thiết chế văn hoá- thể thao ở cấp xã;
- Nhà văn hóa có các bộ phận vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, nơi luyện tập sinh hoạt văn nghệ (ca, múa, nhạc, kịch, chèo, cải lương), phòng thông tin, truyền thanh của xã. Diện tích đất tối thiểu cho khu nhà văn hóa là 2.000 m²;
- Phòng truyền thống, triển lãm trưng bày lịch sử và thành tích chiến đấu, sản xuất của địa phương: diện tích xây dựng tối thiểu là 200 m²;
- Thư viện: có phòng đọc tối thiểu là 15 chỗ ngồi, diện tích xây dựng tối thiểu là 200m²;
- Hội trường, nơi hội họp xem biểu diễn văn nghệ: quy mô tối thiểu 100 chỗ ngồi;

- Cụm các công trình thể thao (bao gồm sân tập đa năng, sân tập riêng các môn, nhà thể thao, bể hoặc hồ bơi (nếu có điều kiện): có diện tích tối thiểu là 4.000 m².

g) Chợ, cửa hàng dịch vụ:

- Mỗi xã cần tổ chức tối thiểu một chợ kinh doanh các loại hàng hoá chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân hàng ngày, được thiết kế theo tiêu chuẩn chuyên ngành;

- Chợ cần bố trí ở vị trí thuận tiện đường giao thông đi lại, trên khu đất cao, dễ thoát nước;

- Chợ phải có chỗ để xe đạp, xe máy, có nơi thu gom và xử lý nước thải, chứa chất thải rắn trong ngày, có nhà vệ sinh công cộng;

- Ngoài các cửa hàng dịch vụ tư nhân, cửa hàng dịch vụ do xã tổ chức cần được bố trí ở khu trung tâm xã.

h) Điểm phục vụ bưu chính viễn thông:

- Cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông cơ bản (bao gồm cả truy cập Internet) cho người dân trên địa bàn xã;

- Diện tích đất cấp cho 1 điểm : $\geq 150 \text{ m}^2$.

4) Quy hoạch công trình sản xuất và phục vụ sản xuất:

a) Các khu vực chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải được quy hoạch với cự ly đảm bảo yêu cầu về khoảng cách ly vệ sinh. Khoảng cách từ nhà ở (chỉ có chức năng ở) tới các khu chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải lớn hơn 200m.

b) Khu sản xuất tập trung phải bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước đối với khu dân cư tập trung.

c) Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, ngô, kho phân hoá học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, trạm xay xát, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ,... phải bố trí liên hệ thuận tiện với đường giao thông nội đồng. Khoảng cách từ các kho phân hoá học đến khu ở không được nhỏ hơn 100 m.

5) Quy hoạch khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung:

a) Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển sản xuất của xã như:

- Tiềm năng về đất đai (sản xuất lúa đặc sản, hoa màu, cây ăn quả), chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

- Tiềm năng phát triển ngành nghề, nhất là ngành nghề truyền thống sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng;

- Tiềm năng phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi..., chế biến lương thực, thực phẩm, cơ khí nhỏ...;

- Các điều kiện cần cho sản xuất: thị trường tiêu thụ; khả năng huy động vốn; các công nghệ có thể áp dụng; hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, cấp điện, cấp nước, thoát nước).

b) Các khu tiểu thủ công nghiệp tập trung phải tuân thủ quy định về sử dụng đất và môi trường theo các quy định hiện hành có liên quan.

c) Khi bố trí các công trình sản xuất phải chú ý các yêu cầu sau:

- Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình ;

- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải thành các cụm sản xuất, nằm ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông;

- Giữa cụm sản xuất và khu ở phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh sau:

- + Loại xí nghiệp độc hại cấp I: $\geq 1000\text{m}$;
- + Loại xí nghiệp độc hại cấp II: $\geq 500\text{m}$;
- + Loại xí nghiệp độc hại cấp III: $\geq 300\text{m}$;
- + Loại xí nghiệp độc hại cấp IV: $\geq 100\text{m}$;
- + Loại xí nghiệp độc hại cấp V: $\geq 50\text{m}$.

Chú thích: Phân loại xí nghiệp độc hại được quy định trong phụ lục 4.8, Quy chuẩn xây dựng Việt nam, tập I ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 của Bộ Xây dựng.

d) Phải xác định vị trí quy hoạch cụm công nghiệp tập trung trong mối quan hệ với các khu chức năng khác của điểm dân cư trong cơ cấu quy hoạch chung thống nhất.

6) Quy hoạch cây xanh:

a) Hệ thống cây xanh trong điểm dân cư nông thôn bao gồm:

- Cây xanh, vườn hoa công cộng;
- Các vườn cây tập trung như vườn cây kinh tế, cây ăn quả, cây thuốc, vườn ươm;
- Cây xanh cách ly trồng quanh các khu sản xuất tập trung hoặc quanh các công trình sản xuất.

b) Quy hoạch trồng cây ở các điểm dân cư nông thôn phải:

- Kết hợp chặt chẽ giữa lợi ích kinh tế (trồng rau, cây ăn quả, cây lấy gỗ, phòng hộ...) với các yêu cầu cải thiện môi trường sinh thái, quốc phòng an ninh;
- Kết hợp với quy hoạch trồng cây phòng hộ ngoài đồng ruộng, cây phòng hộ chống cát ven biển, cây chống xói mòn để tạo thành một hệ thống cây xanh trong xã.

- Tạo thành các vườn hoa ở khu trung tâm và trong khu đất xây dựng các công trình văn hóa, lịch sử, tôn giáo;
- Không trồng các loại cây có nhựa độc, có hoa quả hấp dẫn ruồi muỗi, cây có gai trong trạm y tế, trường học, nhà trẻ, trường mẫu giáo, cần trồng các loại cây cao, bóng mát và có tác dụng làm sạch không khí;
- Trong khu đất trạm y tế cần trồng các loại cây thuốc. Trong trường học chú ý trồng các loại cây phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

7) Quy hoạch điểm dân cư nông thôn vùng bị ảnh hưởng thiên tai:

- a) Quy hoạch phòng tránh ảnh hưởng thiên tai bao gồm : phòng tránh bão lũ, ngập lụt, lũ ống lũ quét, lũ bùn đá, sạt lở, động đất....
- b) Không được quy hoạch bố trí các điểm dân cư tại những khu vực đã được cảnh báo có khả năng bị ảnh hưởng của thiên tai: lũ ống lũ quét, lũ bùn đá, sạt lở,... Đối với khu vực dân cư cũ hiện hữu thì phải có biện pháp bảo vệ, hướng dòng lũ quét ra khỏi khu vực hoặc di dời trong trường hợp cần thiết.
- c) Quy hoạch điểm dân cư nông thôn vùng ngập lụt phải kết hợp với quy hoạch lưu vực sông, hồ địa phương, hệ thống thoát nước, kết hợp với hệ thống thủy lợi tiêu, thoát lũ.
- d) Khi quy hoạch điểm dân cư nông thôn vùng ngập lụt phải so sánh lựa chọn biện pháp tối ưu (giữa việc tôn nền hoặc đắp đê bao). Nếu áp dụng giải pháp tôn nền thì nền các công trình phải cao hơn mức nước lũ lớn nhất (max) thường xuyên xảy ra, đặc biệt đối với các công trình nhà kho (nhất là các kho chứa phân hóa học, thuốc trừ sâu, thóc giống), trường học, nhà trẻ, trạm y tế... Cao độ nền phải cao hơn mức nước lũ lớn nhất (max) hàng năm tối thiểu là 0,3m.
- e) Ở vùng ngập lụt đồng bằng sông Cửu Long quy hoạch xây dựng khu dân cư phải kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch giao thông. Áp dụng hình thái điểm dân cư theo tuyến và điểm bám theo các bờ kênh rạch cấp I và cấp II, các trục giao thông đường bộ và mô hình tập trung theo cụm dân cư.
- f) Khi quy hoạch điểm dân cư nông thôn vùng bị ảnh hưởng thiên tai phải bố trí điểm sơ tán khẩn cấp, sử dụng các công trình công cộng làm nơi tránh bão, lụt. Cao độ nền cần cao hơn mức nước lũ lớn nhất (max) hàng năm tối thiểu là 0,3m.

8) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Quy hoạch chiều cao (quy hoạch san đắp nền):

Quy hoạch chiều cao điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Không san đắp nền khi chưa xác định được vị trí xây dựng công trình và chưa có quy hoạch thoát nước mưa;

- Phải quy hoạch san lấp nền cho phần đất xây dựng công trình (nhà ở, nhà và công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phần đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên;
- Đảm bảo nước mưa thoát nhanh và không gây xói lở nền đường, nền công trình;
- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp; bảo vệ cây lưu niên, lớp đất màu.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Phải phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi;
- Đối với sông suối chảy qua khu vực dân cư, cần cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở;
- Cần lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp;
- Đối với khu dân cư nằm bên sườn đồi, núi phải thiết kế các mương đón hướng dòng chảy trên đỉnh đồi, núi xuống, không chảy tràn qua khu dân cư;
- Cần có giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do lũ lụt.

c) Quy hoạch giao thông:

a) Mạng lưới đường giao thông điểm dân cư nông thôn bao gồm : đường từ huyện đến xã; đường liên xã; đường từ xã xuống thôn; đường ngõ, xóm; đường từ thôn ra cánh đồng;

b) Quy hoạch mạng lưới đường giao thông điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phù hợp với các quy hoạch chung của địa phương (huyện, tỉnh), kế thừa và phát triển mạng lưới đường hiện có cho phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải trước mắt và tương lai, kết nối liên hoàn với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện;
- Kết hợp với mạng lưới quy hoạch thủy nông, quy hoạch dân cư và các công trình xây dựng hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn;
- Phù hợp với các loại phương tiện vận chuyển trước mắt cũng như trong tương lai;
- Đảm bảo liên hệ thuận tiện với hệ thống đường huyện, đường tỉnh tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh;
- Đảm bảo liên hệ trực tiếp thuận lợi giữa khu trung tâm với khu dân cư, nối liền khu dân cư với khu sản xuất và giữa các điểm dân cư với nhau;
- Tận dụng tối đa hiện trạng, phù hợp với địa hình, giảm thiểu đền bù giải phóng mặt bằng, khối lượng đào đắp và các công trình phải xây dựng trên tuyến;
- Kết cấu và bề rộng mặt đường phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng xã và yêu cầu kỹ thuật đường nông thôn, đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như yêu cầu phát triển trong tương lai;

- Tận dụng tối đa hệ thống sông ngòi, kênh rạch tổ chức mạng lưới đường thủy phục vụ vận chuyển hàng hoá và hành khách.
- c) Hệ thống đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường ô tô cấp VI (mặt đường $\geq 3,5\text{m}$, nền đường $\geq 6,5\text{m}$).
- d) Đường ngõ xóm, đường từ thôn ra cánh đồng phải đáp ứng yêu cầu phục vụ cho cơ giới hóa nông nghiệp, sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới nhẹ hoặc phương tiện giao thông thô sơ.
- e) Chiều rộng tối thiểu 1 làn xe dành cho cơ giới : $\geq 3,5\text{m/làn xe}$.

d) Quy hoạch cấp nước:

a) Nhu cầu cấp nước:

Nước cấp trong các điểm dân cư xã gồm:

- Nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân sống trong các điểm dân cư và nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như nhà trẻ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, trụ sở...;
- Nước dùng cho các trại chăn nuôi gia cầm, gia súc;
- Nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

b) Tiêu chuẩn cấp nước tối thiểu dùng cho sinh hoạt:

- Khi lập đồ án quy hoạch cấp nước tập trung cho điểm dân cư nông thôn, phải đảm bảo có trên 70% hộ gia đình được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh với yêu cầu cấp nước như sau:

- + Nhà có thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước: ≥ 80 lít/người/ngày;
- + Nhà chỉ có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày;
- + Lấy nước ở vòi công cộng: ≥ 40 lít/người/ngày.

c) Tiêu chuẩn cấp nước tối thiểu cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung:

- Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp: $\geq 8\%$ lượng nước dùng cho sinh hoạt;
- Nước cấp cho cụm công nghiệp tập trung: được xác định theo loại hình công nghiệp, đảm bảo tối thiểu cho 60% diện tích.

d) Nguồn nước:

- Tận dụng các nguồn nước khác nhau như nước mặt (sông, suối, hồ ao), nước ngầm mạch nông, mạch sâu, nước mưa làm nguồn cấp nước cho điểm dân cư nông thôn.
- Khi chất lượng nước nguồn không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của nước cấp cho sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế phải có biện pháp xử lý nước thích hợp với từng nguồn nước. Đối với nguồn nước dưới đất phải tuân thủ quy định về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008.

- Bảo vệ vệ sinh nguồn nước:

+ Đối với nguồn nước ngầm:

- ☐ Trong khu đất có bán kính 20m tính từ giếng, không được xây dựng các công trình làm nhiễm bẩn nguồn nước;
- ☐ Giếng nước dùng cho các hộ gia đình phải cách xa nhà xí, nơi chăn nuôi;
- ☐ Đối với các giếng nước công cộng, phải chọn nơi có nguồn nước tốt, xây thành giếng cao và lát xung quanh.

+ Đối với nguồn nước mặt: trong khoảng 200 m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu, không được xây dựng các công trình gây ô nhiễm nguồn nước.

e) Quy hoạch cấp điện:

a) Quy hoạch hệ thống cung cấp điện cho các điểm dân cư nông thôn phải căn cứ vào khả năng điện khí hóa của từng vùng; cần tận dụng các nguồn năng lượng khác như năng lượng mặt trời, gió, khí bi-ô-ga, đặc biệt là thủy điện nhỏ.

b) Quy hoạch mạng lưới điện cho điểm dân cư nông thôn phải kết hợp chặt chẽ với quy hoạch giao thông và kiến trúc, không được để đường dây đi qua những nơi chứa chất dễ nổ, dễ cháy.

c) Hệ thống cung cấp điện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Phụ tải điện:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu 50% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt của đô thị loại V .

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn (trung tâm xã, liên xã) phải đảm bảo >15% nhu cầu điện sinh hoạt của xã hoặc liên xã.

- Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải dựa theo các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

+ Hệ thống chiếu sáng đường cho các điểm dân cư nông thôn: khu vực trung tâm xã hoặc liên xã phải đạt chỉ tiêu tối thiểu cấp D và tỷ lệ đường được chiếu sáng không nhỏ hơn 50%.

+ Trạm điện hạ thế phải đặt ở trung tâm của phụ tải điện, hoặc ở gần phụ tải điện lớn nhất, tại vị trí thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt.

+ Mạng lưới điện trung và hạ thế cần tránh vượt qua ao, hồ, đầm lầy, núi cao, đường giao thông có mặt cắt ngang lòng đường lớn, các khu vực sản xuất công nghiệp...

+ Trạm điện hạ thế và lưới điện trung, cao áp trong khu vực điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ theo quy định sau:

a) Hành lang bảo vệ an toàn của đường dây dẫn điện trên không:

Điện áp	Đến 22 kV		35 kV		66 – 110 kV	220 kV	500 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
Khoảng cách	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m	7,0 m

b) Hành lang bảo vệ trạm điện đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh:

Điện áp	Đến 22 kV	35 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m

9) Quy hoạch thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước:

- Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh;
- Cần tận dụng các ao hồ, kênh, rạch, để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên. Cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại;
- Nước thải từ các làng nghề bị nhiễm bẩn và gây độc hại phải được phân loại, thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng hợp vệ sinh và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;
- Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước cấp để xử lý.

Chú thích: Đối với các vùng nông thôn ở khu vực trung du, miền núi cho phép giảm chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt đạt $\geq 60\%$ lượng nước cấp.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Phải xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao, hầm cá;
- Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp (chôn lấp hoặc ủ kín);
- Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý:

+ Chất thải hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc; xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp;

- + Chất thải vô cơ: xử lý tập trung (tái chế, chôn lấp...).
- Các chất thải vô cơ từ các hộ gia đình phải được thu gom từ các thôn tới các điểm tập kết/ trạm trung chuyển và vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn tập trung của xã hoặc cụm xã. ở khu vực đồng bằng: mỗi thôn có một điểm tập kết/ trạm trung chuyển; khu vực miền núi: mỗi thôn có 2 -3 điểm tập kết/ trạm trung chuyển. Trạm trung chuyển và các phương tiện vận chuyển chất thải rắn phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Khoảng cách ly vệ sinh của điểm tập kết/ trạm trung chuyển chất thải rắn phải $\geq 20m$.
- Khoảng cách ly vệ sinh từ khu xử lý chất thải rắn đến khu dân cư $\geq 3.000m$ và đến các công trình xây dựng khác $\geq 1.000m$.

c) Nghĩa trang:

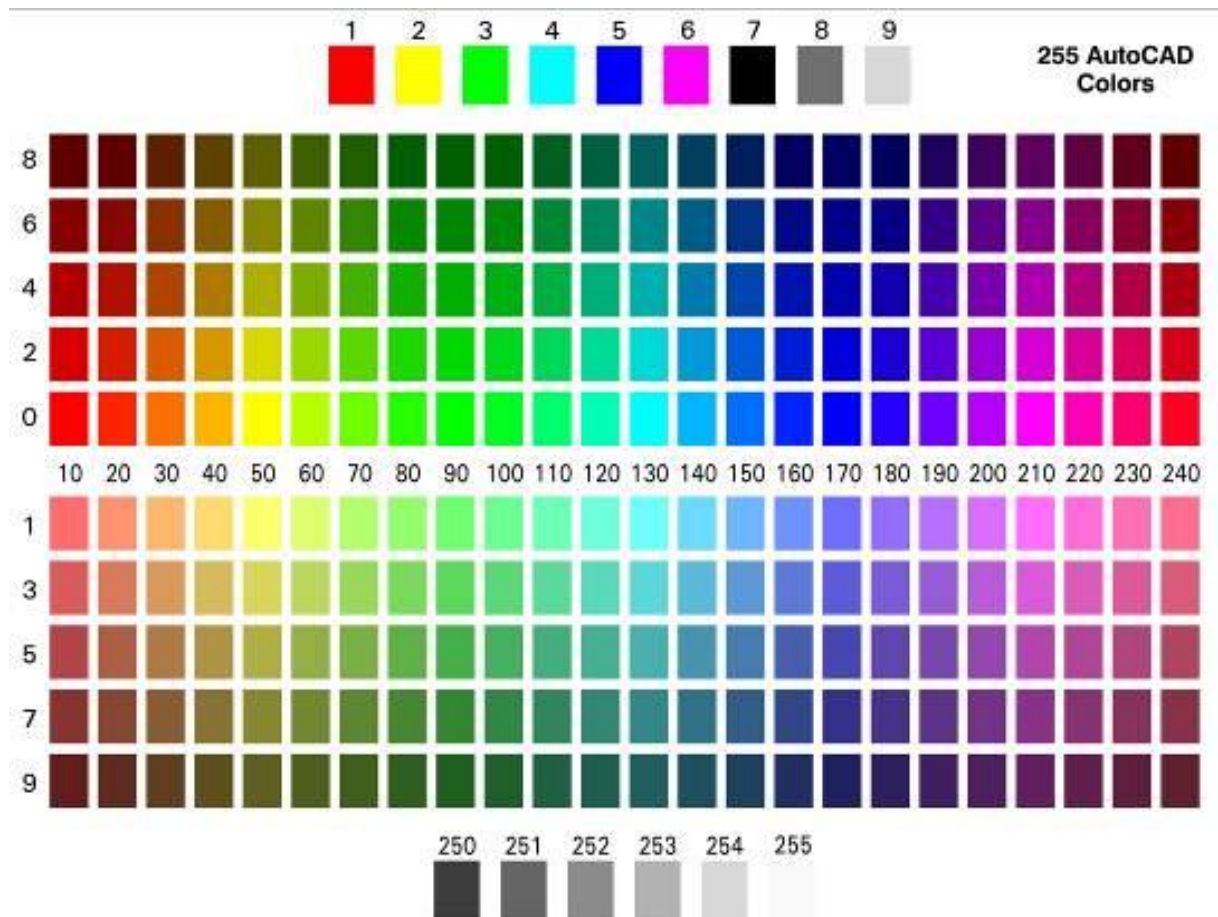
- Yêu cầu quy hoạch địa điểm nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu táng trước mắt và lâu dài.
- Nghĩa trang xây dựng mới phải ở vị trí yên tĩnh, cao ráo, không sụt lún;
- Phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh của nghĩa trang cát táng đối với khu dân cư : $\geq 100m$;
- Diện tích đất xây dựng cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá $5 m^2$. Diện tích sử dụng đất cho mỗi mộ cát táng tối đa không quá $3m^2$.
- Phải quy hoạch đường đi, cây xanh, rào ngăn thích hợp. Các tuyến đường chính và nhánh trong nghĩa trang phải có rãnh thoát nước mặt.
- Đối với các nghĩa trang hiện hữu cần cải tạo, chỉnh trang, trồng cây bóng mát và sắp xếp các ngôi mộ theo hàng, lối.

Phần II: Hệ thống ký hiệu trong các đồ án quy hoạch xây dựng NTM:

A) Quy định chung:

1. Ký hiệu quy hoạch xây dựng là hệ thống ký hiệu chuyên ngành được sử dụng trong các loại hồ sơ màu và hồ sơ đen trắng của các đồ án Quy hoạch xây dựng theo Luật Xây dựng số 16/2003/QH11; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;
2. Trong các đồ án quy hoạch xây dựng hệ thống ký hiệu được thể hiện cho từng giai đoạn quy hoạch và được thể hiện trên cơ sở hệ thống trợ giúp vẽ bằng các chương trình máy tính Auto Cad và MapInfo/GIS;
3. Ngoài những quy định trong hệ thống ký hiệu này, khi thể hiện bản vẽ quy hoạch xây dựng còn phải tuân thủ theo các quy định ký hiệu chuyên ngành khác có liên quan.

Trong trường hợp sử dụng các ký hiệu chưa có trong quy định thì phải có ghi chú kèm theo;



Hệ thống bảng màu trong chương trình AUTO CAD

B) Các quy định cụ thể:

1. Tỷ lệ bản đồ dùng cho các loại đồ án quy hoạch xây dựng:

(Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng)

a) Quy hoạch xây dựng vùng:

1. Bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng (tỷ lệ: 1/100.000 - 1/500.000).
2. Bản đồ hiện trạng tổng hợp (tỷ lệ: 1/25.000 - 1/250.000).
3. Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng (tỷ lệ: 1/25.000 - 1/250.000).
4. Bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng (tỷ lệ: 1/25.000 - 1/250.000).

b) Quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn:

1. Sơ đồ vị trí ranh giới xã tỷ lệ 1/25.000; ranh giới điểm dân cư tỷ lệ 1/5.000

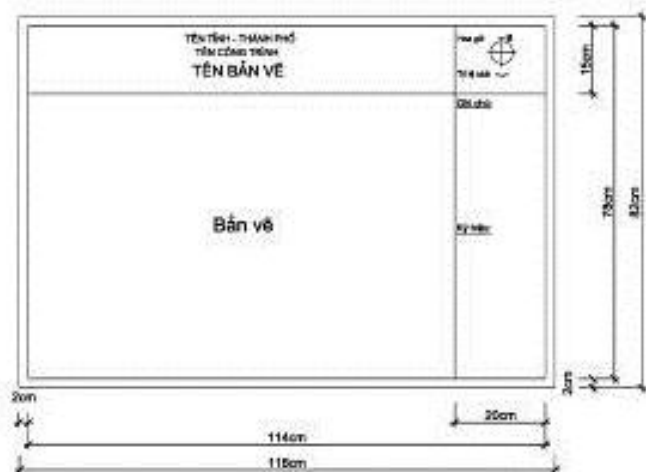
2. Bản đồ hiện trạng xây dựng, sử dụng đất điểm dân cư nông thôn (tỷ lệ: 1/500 - 1/2.000).
3. Bản đồ quy hoạch mạng lưới điểm dân cư và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã (tỷ lệ: 1/5.000 - 1/25.000).
4. Bản đồ quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn (tỷ lệ: 1/500 - 1/2.000).

2. Các quy định về màu sắc, đường nét, ký hiệu thể hiện hồ sơ màu và hồ sơ đen trắng trong các đồ án quy hoạch xây dựng:

a) Bố cục bản vẽ:

ÁP DỤNG CHO BẢN VẼ MÀU:

(DÙNG KHI BÁO CÁO XIN Ý KIẾN)

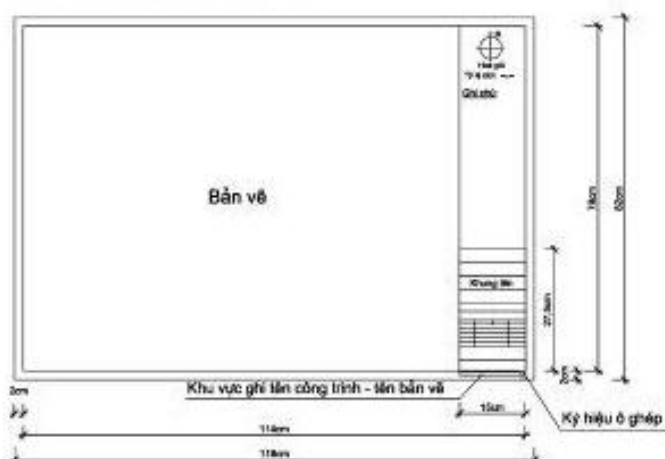


- + Bố cục kích thước bản vẽ như trên
- + Kiểu dáng hoa gió lấy theo từng địa phương
- + Tỷ lệ xích đặt phía dưới hoa gió, tùy theo từng loại bản đồ mà 1cm tương ứng với x km
- + Tỷ lệ xích:



ÁP DỤNG CHO BẢN VẼ ĐEN TRẮNG:

(DÙNG KHI THỂ HIỆN HỒ SƠ)



- + Bố cục kích thước bản vẽ như trên
- + Hoa gió nằm ở góc trên bên phải của bản vẽ
- + Kiểu dáng hoa gió lấy theo từng địa phương
- + Tỷ lệ xích đặt phía dưới hoa gió, tùy theo từng loại bản đồ mà 1cm tương ứng với x km
- + Kích thước phần Khung tên (chiều dọc) có thể điều chỉnh tùy theo cơ quan quản lý
- + Kích thước ô bản ghép: 0,5cm x 0,5cm

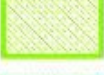
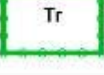
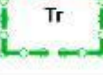
- + Khung tên chi tiết:

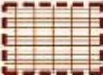
[illegible]

b) Đối với các bản vẽ kiến trúc:

STT	Tên ký hiệu	Các giai đoạn quy hoạch			Phương pháp thể hiện		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		thể hiện		
			Ngắn hạn	Dài hạn	Màu	Đen trắng	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	RANH GIỚI:						+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo. + d: đường kính Đường kính các đường tròn phụ thuộc quy mô dân số đô thị.
	+ Quốc gia				Số 7		
	+ Tỉnh, thành phố				--		
	+ Huyện				--		
	+ Xã				--		
	+ Ranh giới nghiên cứu				Số 1		
2	ĐÔ THỊ / TRUNG TÂM ĐÔ THỊ:						+ 1,2,3,4,5: Loại đô thị + D: đô thị đặc biệt
	+ Thành phố				Số 1		
	+ Thị xã				--		
	+ Thị trấn				--		
	+ Thị tứ				--		

1	2	3	4	5	6	7	8
3	HỆ TRUNG TÂM CHUYÊN NGÀNH:						+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo. + Đường kính các đường tròn có thể thay đổi tùy thuộc vào tỷ lệ bản vẽ và nội dung cần thể hiện.
	+ Trung tâm hành chính chính trị				Số 1		
	+ Trung tâm dịch vụ, thương mại				Số 1		
	+ Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao				Số 3		
	+ Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu				Số 30		
	+ Trung tâm y tế				Số 1		
	+ Trung tâm công nghiệp				Số 5		
	+ Trung tâm hỗn hợp				Số 1		
	+ Trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng				Số 100		

1	2	3	4	5	6	7	8
4	SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI: * Đất trung tâm công cộng * Đất ở * Đất làng xóm * Đất nông nghiệp: + Đất trồng lúa + Đất hoa màu + Đất trồng cây ăn quả + Đất trồng cây công nghiệp * Đất canh tác hỗn hợp * Đất chưa sử dụng (Đất trống)	        	        	        	Số 1 Số 30 Số 54 Số 3 Số 52 Số 62 Số 94 Số 60 Số 112		+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo (Các loại đất đô thị thể hiện theo mảng màu).

1	2	3	4	5	6	7	8
	* Đất cơ quan * Đất trường học * Đất công nghiệp * Đất kho tàng bến bãi * Đất du lịch nghỉ dưỡng * Đất nghĩa địa * Đất quân sự * Đất tôn giáo * Đất khác	        	        	        	Số 34 Số 40 Số 5 -- Số 120 Số 9 Số 54 Số 11 Số 37		

1	2	3	4	5	6	7	8
	* Đất bệnh viện				Số 1		
	* Đất lâm nghiệp				Số 74		
	* Đất đồi núi				Số 54		
	* Mặt nước				Số 4		
	* Đất cây xanh cách ly				Số 3		
	* Đất cây xanh công viên, thể dục thể thao				--		
	* Đất cây xanh cảnh quan				Số 91		
	* Khu vực cấm sử dụng (Quân sự, mỏ, ô nhiễm...)				Số 56		

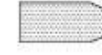
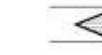
1	2	3	4	5	6	7	8
	* Vùng du lịch, di tích và danh thắng				Số 120		
	* Vùng mỏ, khoáng sản				Số 44		Tl: Trữ lượng mỏ v Loại mỏ: vàng, đồng, thiếc ...
	* Vùng nông, lâm, ngư trường				Số 125		Nông trường Lâm trường Ngư trường
5	CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT:				Số 7		(A) Ghi ký hiệu lớn, sau đó chú thích các thông số ở trong bản vẽ.
6	CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC:						
	+ Nhà ở				Số 30		Nhà mái dốc Nhà mái bằng Nhà tạm Nhà bán kiên cố Nhà kiên cố
	+ Cơ quan				Số 34		... Tầng cao
	+ Công trình công cộng				Số 1		cc : CT công cộng bt : CT bệnh viện v : CT văn hóa tr : CT trường học ch : Đền, chùa
	+ Công trình công nghiệp				Số 5		

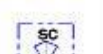
1	2	3	4	5	6	7	8
7	CÂY XANH: + Cây có tán + Cây trang trí + Cây bụi thấp + Hàng rào cây không cắt xén + Hàng rào cây cắt xén + Thảm cỏ	     	     	     	Số 82 -- -- -- -- --		+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo. + Hình dáng cây có thể thay đổi theo nội dung từng bản vẽ
8	ĐƯỜNG DẠO: + Lát bê tông + Lát gạch + Lát đá	  	  		Số 13 -- Số 8		
9	HÀNG RÀO: + Song sắt, bê tông + Dây, lưới kim loại + Tre, gỗ	  			Số 116 -- --		

c) Đối với các bản vẽ hạ tầng:

1	2	3	4	5	6	7	8
1	HỆ THỐNG GIAO THÔNG: * Đường bộ: - Đường cao tốc - Quốc lộ - Đường tỉnh - Đường huyện - Nút giao thông . Cùng mức . Khác mức - Bến bãi . Bến xe khách, bus liên vùng, quốc tế . Bến xe tải . Bến xe taxi . Bãi đỗ xe - Trạm duy tu bảo dưỡng, sửa chữa				Số 7		CT1: Tên đường Tên đường Cấp đường
					Số 7		
					--		
					--		
					--		
					--		
					Số 7		S: Diện tích
					--		
					--		
					--		
					--		

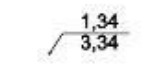
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Tuy-nen				Số 7		
	* Hệ thống cầu:						
	- Cầu sắt				Số 7		
	- Cầu bê tông				--		
	- Cầu tằng				--		
	- Cầu nhịp mở (Cầu quay)				--		
	- Cầu treo				--		
	- Cầu phao				--		
	- Cầu đơn giản				--		

1	2	3	4	5	6	7	8
	* Đường sắt: - Tàu bánh sắt - Tàu điện ngầm - Tàu bánh hơi - Tàu cao tốc - Monorail * Đường hàng không: - Tuyến: . Trong nước . Quốc tế - Sân bay: - Tính không đầu cuối sân bay - Phạm vi cấm XD	         	         	         	Số 12 Số 154 Số 7 		G: Nhà ga M: Ga tàu điện ngầm 2 : Cấp, hạng sân bay

1	2	3	4	5	6	7	8
	* Đường thủy: - Tuyến: . Trong nước . Quốc tế - Bến cảng: . Tổng hợp . Hành khách . Hàng hóa . Chuyên dụng . Bến phà . Bến đò - Cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền - Ngầm	         	         	         	Số 141 Số 5 		2 : Cấp, hạng, quy mô cảng

1	2	3	4	5	6	7	8
	- Tuyến và điểm đỗ xe buýt - Đường phố: + Đường cụt + Chỗ tránh xe + Chỗ quay xe + Bãi đỗ xe + Lối đi bộ qua đường - Tọa độ $\frac{x}{y}$ - Cao độ thiết kế Cao độ tự nhiên - Hướng dốc	        	        	        	--		r: Bán kính quay xe Đ: Đèn tín hiệu giao thông Kiểu dáng phụ thuộc vào người thiết kế i: Độ dốc dọc L: Chiều dài dốc (m)

1	2	3	4	5	6	7	8
2	CHUẨN BỊ KỸ THUẬT: + Cổng ngầm + Mương nắp đan + Mương hở + Trạm bơm tiêu + Giếng thu + Cổng qua đường + Miệng xả + Mương xả + Cổng ngăn triều + Công trình tiêu năng + Kè đá, tường chắn S Đào Đắp H Đào TB Đắp + W đất đào, đắp + Đường phân lưu chính + Đường phân lưu phụ + Hướng thoát nước	           	           	           	Số 7		L: Chiều dài (m) D: Đường kính ống + Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo. W: Khối lượng (m3) S: Diện tích (ha) H: Chiều cao (m)

1	2	3	4	5	6	7	8
	+ Khu vực hạ nền + Khu vực tôn nền + Khu vực nạo vét bùn + Khu vực hạ mực nước ngầm + Đê + Ta luy + Cao độ đáy (m) - Cao độ mặt đất TK (m)	      			Số 5 -- -- -- Số 7 Số 7 --		+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo.

1	2	3	4	5	6	7	8
3	CẤP ĐIỆN: * Tuyến: - Nổi - Ngầm - Cột điện * Đường điện có đèn cao áp thủy ngân - Đèn một phía - Đèn hai phía * Nhà máy-trạm: - Nhà máy thủy điện - Nhà máy nhiệt điện - Trạm giảm áp khu vực - Trạm giảm áp thành phố - Trạm phát Diesel - Trạm phát điện một chiều - Trạm chỉnh lưu - Trạm biến áp lưới cố định - Trạm biến áp lưới trên cột - Trạm cắt	            	            	            	Số 1 -- -- Số 1 -- Số 150 Số 1 -- -- -- Số 1 -- -- --		22kv: loại tuyến dây cho mọi cấp điện áp L: Khoảng cách hai cột + Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo.

[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8
5	THOÁT NƯỚC BẮN VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG:						
	* Tuyến ống/Cống tự chảy				Số 7		L: Chiều dài (m) Ø: Đường kính (mm) i: Độ dốc — Chiều nước chảy
	* Cống có áp lực				---		
	* Trạm xử lý nước bẩn				---		+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo.
	* Điểm tập trung CTR				---		
	* Trạm trung chuyển CTR				---		
	* Khu xử lý CTR				---		
	* Nghĩa trang				---		
	* Khu vực ô nhiễm môi trường				---		⊖ Loại ô nhiễm Mức độ ô nhiễm
	* Trạm bơm				---		Đ: Đất N: Nước K: Không khí ĐN: Hỗn hợp
	* Miệng xả				---		
	* Cao độ đáy cống (m) Cao độ mặt đất (m)				---		

1	2	3	4	5	6	7	8
6	TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG:						
	* Tuyến điện nổi				Số 1		+ Các bản vẽ hồ sơ màu được dùng theo số ký hiệu trên bảng màu trong chương trình máy tính Auto-CAD, MapInfo.
	* Tuyến điện ngầm				--		
	* Tuyến thông tin nổi				Số 164		
	* Tuyến thông tin ngầm				--		
	* Đường ống dẫn dầu				Số 15		
	* Đường ống dẫn khí đốt				--		
	* Đường ống cấp nhiệt				--		
	* Đường ống cấp nước				Số 7		
	* Cống ngầm thoát nước mưa				--		
	* Cống ngầm thoát nước bẩn				--		
	* Cống ngầm có áp				--		
	* Mương có nắp đan				--		
	* Mương hở				--		
	* Cống thoát nước chung				--		

4.2.3 Môn học 2: Lập quy hoạch xây dựng NTM:

Mục tiêu môn học: Giúp đối tượng được đào tạo làm chủ quy trình các bước lập quy hoạch xây dựng NTM.

STT	Nội dung đào tạo		Số tiết
1	Phần 1	Trình tự các bước lập quy hoạch xây dựng NTM	1
2	Phần 2	Các nội dung trong giai đoạn lập quy hoạch xây dựng NTM - Lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng NTM; - Lập quy hoạch xây dựng NTM; - Lấy ý kiến đối với đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn; - Trình, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn; - Thành phần hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn; - Nội dung phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn; - Nội dung đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn;	11
	Tổng số tiết		12

Phần I: Trình tự các bước lập quy hoạch xây dựng NTM:

1. UBND xã lập nhiệm vụ quy hoạch trình UBND huyện phê duyệt;
2. UBND xã tiến hành lập quy hoạch;
3. UBND xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng trong khu vực lập quy hoạch;
4. UBND xã có trách nhiệm trình UBND huyện phê duyệt quy hoạch;
5. Thông qua kết quả lấy ý kiến cộng đồng và hồ sơ quy hoạch, UBND huyện lựa chọn phương án quy hoạch và ra quyết định phê duyệt quy hoạch;

Phần II: Các nội dung trong giai đoạn lập quy hoạch:

A) Lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn:

Nhiệm vụ quy hoạch là các yêu cầu đối với việc lập đồ án quy hoạch nông thôn mới; sau khi có nhiệm vụ quy hoạch, Ủy ban nhân dân xã trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt bằng quyết định. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch gồm:

1. Tên đồ án; Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch;
2. Mục tiêu yêu cầu về nội dung nghiên cứu của đồ án;
3. Dự báo quy mô dân số, đất đai, quy mô xây dựng;

4. Nhu cầu tổ chức không gian (sản xuất, sinh sống, trung tâm; phát triển mới và cải tạo chỉnh trang thôn, bản).

5. Yêu cầu phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

7. Hồ sơ sản phẩm của đồ án;

8 Kinh phí; Tiến độ, trách nhiệm thực hiện đồ án:

1. Căn cứ lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn:

Căn cứ vào: tiềm năng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, dân sinh của từng địa phương, Ủy ban nhân dân xã đề ra yêu cầu quy hoạch xây dựng nông thôn.

2. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn:

a) Đối với phạm vi toàn xã: Nhiệm vụ quy hoạch nông thôn cần xác định ranh giới, quy mô đất xây dựng, dự báo quy mô dân số trên địa bàn xã và của các điểm dân cư theo từng giai đoạn quy hoạch; các yêu cầu về bố trí mạng lưới điểm dân cư, mạng lưới các công trình công cộng, công trình phục vụ sản xuất; các yêu cầu quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối các điểm dân cư với nhau; yêu cầu về bảo đảm vệ sinh môi trường trong điểm dân cư; danh mục hồ sơ bản vẽ.

b) Đối với phạm vi trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn cần xác định ranh giới, vị trí, nội dung cần cải tạo, chỉnh trang trong trung tâm xã hoặc điểm dân cư như: các khu ở, các công trình phục vụ công cộng, phục vụ sản xuất; các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật chủ yếu về đất đai xây dựng và hạ tầng kỹ thuật; yêu cầu mở rộng đất đai xây dựng; yêu cầu về quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch mạng lưới điểm dân cư trên địa bàn xã; yêu cầu về bảo đảm vệ sinh môi trường trong điểm dân cư; danh mục hồ sơ bản vẽ.

3. Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn:

a) Việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn phải đảm bảo tính kế thừa, các yêu cầu và nguyên tắc cần điều chỉnh, chỉnh trang đối với các khu chức năng; danh mục hồ sơ bản vẽ cần điều chỉnh.

b) Trong quá trình tiến hành lập đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn, nội dung quy hoạch xây dựng đang triển khai không phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn đã được phê duyệt, nhưng không làm thay đổi phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch, thì không phải tiến hành lập lại nhiệm vụ quy hoạch. Người có thẩm quyền chỉ phê duyệt lại nhiệm vụ quy hoạch để đảm bảo sự thống nhất trong đồ án quy hoạch.

B) Lập đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn:

Nội dung đồ án quy hoạch nông thôn mới bao gồm :

1. Phân tích và đánh giá hiện trạng tổng hợp.
2. Dự báo tiềm năng và định hướng phát triển.
3. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã.

4. Quy hoạch sử dụng đất.
5. Quy hoạch sản xuất.
6. Quy hoạch xây dựng.

a) Phân tích và đánh giá hiện trạng tổng hợp:

1. Phân tích và đánh giá tổng hợp hiện trạng về điều kiện tự nhiên (đặc điểm địa lý, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, tài nguyên: nước, rừng, biển...), môi trường và các hệ sinh thái để từ đó xác định nguồn lực và tiềm năng phát triển.
2. Đánh giá việc thực hiện các quy hoạch đã có.
3. Đánh giá hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, di tích, danh thắng du lịch.
4. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất.

b) Dự báo tiềm năng và định hướng phát triển :

1. Dự báo tiềm năng.
 - a) Đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất. Dự báo quy mô đất, xây dựng cho từng loại công trình cấp xã, thôn, bản và đất ở;
 - b) Dự báo loại hình, tính chất kinh tế chủ đạo như: kinh tế thuần nông, nông lâm kết hợp; chăn nuôi; tiểu thủ công nghiệp; du lịch hoặc định hướng phát triển đô thị; quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, khả năng thị trường định hướng giải quyết đầu ra;
 - c) Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ theo các giai đoạn quy hoạch;
2. Định hướng phát triển dân số, hạ tầng, kinh tế (sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ), môi trường trên địa bàn xã :
 - a) Xác định những tiềm năng của xã về nhân lực, nguồn lực kinh tế - xã hội ; điều kiện tự nhiên.
 - b) Xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực theo hướng phù hợp với tiềm năng, nguồn lực để đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững.

c) Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã :

1. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã cần nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và hiện trạng của xã. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã là căn cứ để triển khai các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất.
2. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm cũ: Xác định qui mô dân số, chỉ tiêu đất cho từng nhóm hộ, qui mô chiếm đất và nhu cầu đất của toàn thôn. Đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống cho người và gia súc.

3. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, bảo tồn công trình văn hoá lịch sử, xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng cấp xã; các khu vực có tính đặc thù khác;
4. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối các thôn, bản với vùng sản xuất, với trung tâm xã và vùng liên xã (bao gồm hạ tầng phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống); đối với vùng nhiều sự cố thiên tai cần cảnh báo và nêu rõ các giải pháp phòng chống.

d) Quy hoạch sử dụng đất:

1. Lập quy hoạch sử dụng đất:

- a. Xác định cụ thể diện tích các loại đất trên địa bàn xã đã được cấp huyện phân bổ.
- b. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển, cụ thể: diện tích đất lúa nương, đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nông nghiệp khác, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác.
- c. Trong quá trình lập quy hoạch nông thôn mới, cần xác định diện tích những loại đất khi chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

2. Lập kế hoạch sử dụng đất: Phân chia các chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng, diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

- a. Phân kỳ sử dụng đất theo 2 giai đoạn: 2011 – 2015 và 2016 – 2020.

- b. Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cho giai đoạn 2011 – 2015.

3. Hệ thống chỉ tiêu và biểu quy hoạch sử dụng đất (xem Phụ lục).

4. Đối với các xã chưa triển khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 – 2020 thì thực hiện theo điều này (không lập quy hoạch sử dụng đất riêng).

e) Quy hoạch sản xuất:

1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

- a. Xác định tiềm năng, quy mô của từng loại hình sản xuất (những cây trồng, vật nuôi hiện là thế mạnh của địa phương và định hướng những cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng theo từng giai đoạn; Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm đem lại giá trị kinh tế cao, có giá trị trên thị trường).
- b. Phân bổ khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngành trồng trọt (lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả); khu chăn nuôi; khu nuôi trồng thủy sản; nhà xưởng bảo quản, chế biến; công nghiệp và dịch vụ. Hạng mục quy hoạch phải rõ vị trí theo thôn, bản.
- c. Xác định mạng lưới hạ tầng gồm: giao thông nội đồng (thể hiện đường đến lô diện tích 1ha trở lên); thủy lợi (kênh mương tự nhiên và nhân tạo đến kênh cấp

3). Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, hệ thống cấp và thoát nước thải khu ao nuôi thủy sản.

d. Giải pháp chủ yếu để phát triển đạt yêu cầu của quy hoạch.

2. Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:

a. Tiềm năng phát triển công nghiệp - dịch vụ: Tài nguyên, đất đai, lao động.

b. Lựa chọn loại ngành công nghiệp, dịch vụ cần phát triển và giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

c. Xác định chỉ tiêu phát triển công nghiệp, dịch vụ của xã (tỷ trọng giá trị công nghiệp, dịch vụ trên giá trị tổng sản lượng sản xuất trên địa bàn).

d. Giải pháp chủ yếu để đạt yêu cầu phát triển theo quy hoạch.

f) Quy hoạch xây dựng:

1. Đối với thôn, bản và khu dân cư mới:

a) Xác định quy mô dân, số hộ theo đặc điểm sinh thái, tập quán văn hóa; công trình công cộng từng thôn, khu dân cư mới.

b) Xác định hệ thống thôn, bản và khu dân cư mới.

c) Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian; Yêu cầu, nguyên tắc, định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, xác định vị trí, quy mô khu trung tâm thôn, dân cư tập trung; khu sản xuất, các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển, khu vực không xây dựng và các nhu cầu khác; các vùng đặc thù, các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng;

d) Cải tạo chỉnh trang thôn, bản, nhà ở: Định hướng giải pháp tổ chức không gian ở, các qui định về kiến trúc, màu sắc, hướng dẫn cải tạo nhà, tường rào, cổng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, kiến trúc, vật liệu truyền thống của địa phương,

e) Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất, công trình công cộng thôn, khu dân cư cũ và xây dựng mới;

2. Đối với trung tâm xã:

a) Xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất, dự báo quy mô xây dựng mới hoặc cải tạo, định hướng kiến trúc đặc trưng đối với khu trung tâm và từng công trình công cộng cấp xã;

b) Nội dung, yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, tầng cao, giải pháp kiến trúc công trình công cộng và dịch vụ, cây xanh, các vùng phát triển, vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng, vùng bảo tồn;

c) Các chỉ tiêu về quy hoạch đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trung tâm xã.

d) Xác định các dự án ưu tiên đầu tư tại trung tâm xã và các thôn, bản, khu vực được lập quy hoạch.

3. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các thôn, bản và vùng sản xuất và liên xã, xác định hệ thống, vị trí, quy mô danh mục công trình, định hướng giải pháp cải tạo chỉnh trang, tiêu chuẩn kỹ thuật, mặt cắt

chính đáp ứng yêu cầu phát triển của từng giai đoạn quy hoạch và bảo vệ môi trường.

- 4. Về lập quy hoạch xây dựng** thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 32/2009/TT-BXD, ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng. Xác định các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện: tại trung tâm xã; các thôn, bản; vùng sản xuất và khu vực được lập quy hoạch; Khái toán nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất cho giai đoạn 2010-2015.

g) Đánh giá hiệu quả của quy hoạch nông thôn mới về kinh tế- xã hội và môi trường:

Trong đồ án quy hoạch nông thôn mới cần thuyết minh, làm rõ hiệu quả của định hướng phát triển không gian và các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng đối với việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

h) Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch nông thôn mới:

1. Thuyết minh tổng hợp kèm theo các bản vẽ thu nhỏ khổ A3, các phụ lục tính toán, hướng dẫn thiết kế và minh họa.
2. Bản vẽ của đồ án quy hoạch được thể hiện trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất có tỷ lệ từ 1/5.000 đến 1/10.000, riêng đối với các xã có diện tích từ 20.000 ha trở lên thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000, bao gồm:
 - a) Bản vẽ hiện trạng tổng hợp;
 - b) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
 - c) Bản vẽ định hướng quy hoạch phát triển không gian xã nông thôn mới.
 - d) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất; Bản vẽ quy hoạch nông nghiệp; bản vẽ quy hoạch xây dựng.
 - đ) Bản vẽ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.
 - e) Đối với các khu trung tâm, khu dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/2.000. Cần thể hiện rõ: Hệ thống giao thông nội khu (đến lô 1 ha trở lên); Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước sản xuất và thoát nước thải; Khu vực xử lý môi trường.
3. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch và dự thảo quyết định phê duyệt đồ án.
4. Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ.

C) Lấy ý kiến đối với đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn:

1. Trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng, tổ chức tư vấn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân trong khu vực lập quy hoạch theo các hình thức hội họp, trao đổi trực tiếp hoặc phát phiếu lấy ý kiến về nội dung quy hoạch để nhân dân dễ tiếp cận và góp ý. Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi phê duyệt.

2. Căn cứ kết quả lấy ý kiến và hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng, người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng quyết định lựa chọn phương án quy hoạch xây dựng.

D) Trình, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn:

1. Cơ quan trình duyệt :

Ủy ban nhân dân xã là cơ quan trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn.

2. Cơ quan thẩm định :

Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện có trách nhiệm thẩm định các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn.

3. Cơ quan phê duyệt :

Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn.

E) Thành phần hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn :

1. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn gồm:

Tờ trình đề nghị phê duyệt, các văn bản pháp lý có liên quan và hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch.

2. Hồ sơ trình phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng gồm:

Tờ trình đề nghị phê duyệt, các văn bản pháp lý có liên quan và hồ sơ đồ án quy hoạch.

3. Số lượng hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt tối thiểu là 03 bộ.

F) Nội dung phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn :

1. Nội dung quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn bao gồm:

- a) Yêu cầu nghiên cứu về: Ranh giới, quy mô diện tích và dự báo quy mô dân số của xã theo từng giai đoạn quy hoạch;
- b) Yêu cầu và nguyên tắc về: phân khu chức năng (không gian sản xuất, sinh sống, các vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng, vùng bảo tồn.v.v.); mạng lưới trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn tập trung; hệ thống công trình đầu mối và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng và dịch vụ trong phạm vi toàn xã.
- c) Yêu cầu và nguyên tắc cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đối với các khu ở, các công trình phục vụ công cộng.
- d) Các chỉ tiêu về dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trung tâm xã và điểm dân cư tập trung.
- e) Danh mục, số lượng hồ sơ đồ án, kinh phí thực hiện đồ án.
- f) Tiến độ thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng.

2. Nội dung quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn:

- a) Đối với quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn toàn xã:

- Ranh giới, diện tích, quy mô dân số, quỹ đất xây dựng và các chỉ tiêu về đất đai và hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường cho toàn xã, trung tâm xã và mạng lưới điểm dân cư tập trung.
- Phân khu chức năng, xác định các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển, không phát triển, khu bảo vệ và các nhu cầu khác.
- Xác định mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã.
- Các hạng mục công trình dự kiến đầu tư xây dựng trên địa bàn toàn xã.
- b) Đối với khu trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn tập trung.
- Cơ cấu phân khu chức năng, quỹ đất xây dựng, giải pháp tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật của trung tâm xã, điểm dân cư tập trung. Các khu vực có khả năng phát triển.
- Các nội dung cải tạo, chỉnh trang hoặc xây dựng mới phù hợp với khả năng, đặc điểm, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của trung tâm xã, điểm dân cư tập trung theo từng giai đoạn quy hoạch.
- Quy mô, vị trí các công trình công cộng, dịch vụ và môi trường được xây dựng mới như các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ, điểm tập kết và trung chuyển chất thải rắn, nghĩa trang của mỗi điểm dân cư nông thôn.

G) Nội dung đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn:

- 1 Nội dung thuyết minh đồ án và nội dung bản vẽ của đồ án quy hoạch xây dựng được quy định tại khoản IV Mục B Phụ lục I và khoản IV Mục B Phụ lục II đã ban hành kèm theo Quyết định 03/2008/QĐ-BXD.
2. Để đáp ứng được tiêu chí nông thôn mới quy định tại bộ tiêu chí nông thôn mới ban hành kèm Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ, ngoài các quy định về nội dung thuyết minh đồ án và nội dung bản vẽ quy định tại Quyết định 03/2008/QĐ-BXD, cần bổ sung thêm một số nội dung cụ thể sau:
 - a) Đối với nội dung thuyết minh đồ án:
 - Ngoài việc đánh giá khả năng quỹ đất xây dựng điểm dân cư nông thôn, cần đánh giá khả năng quỹ đất xây dựng đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ và phục vụ sản xuất trên phạm vi toàn xã.
 - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ và phục vụ sản xuất.
 - Xác định các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển và không phát triển cần nghiên cứu trong phạm vi toàn xã.
 - Tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ trên địa bàn xã;
 - Phần Dự án ưu tiên đầu tư và tổng hợp kinh phí xây dựng được thuyết minh với nội dung cụ thể như sau: Lập bảng tổng hợp khối lượng đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, kinh phí đầu tư xây dựng theo phân kỳ đầu tư và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư hoặc các dự án có tính chất tạo lực phát triển kinh tế xã hội của xã.
 - b) Đối với nội dung bản vẽ:

Bản vẽ quy hoạch xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn

- Cần bổ sung bản vẽ sơ đồ vị trí xã và liên hệ vùng tỷ lệ 1/25.000-1/50.000 với nội dung thể hiện vị trí, ranh giới xã, liên kết hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng, các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội, môi trường của xã.

Bản vẽ quy hoạch xây dựng trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn tập trung:

- Xác định vị trí, quy mô của điểm thu gom chất thải rắn và nghĩa trang đối với trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn tập trung.
- Bổ sung thêm hướng dẫn về mẫu nhà và công trình trên cơ sở đáp ứng hình thức kiến trúc truyền thống của từng địa phương, phải phù hợp điều kiện kinh tế, thói quen sinh hoạt của dân cư từng vùng, đáp ứng tổ chức không gian sống, sản xuất hợp lý, đảm bảo vệ sinh, khuyến khích áp dụng công nghệ kỹ thuật mới.

3. Đối với số lượng bản vẽ của đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn:

- Căn cứ điểm a khoản IV Mục B Phụ lục I Quyết định 03/2008/QĐ-BXD, thành phần bản vẽ gồm:
 - + Sơ đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/5.000-1/25.000;
 - + Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/5.000-1/25.000;
 - + Bản đồ quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ 1/500-1/2.000;
- Tùy theo mức độ phức tạp của từng đồ án, nội dung quy hoạch có thể thể hiện thành bản vẽ riêng hoặc thể hiện chung trong một bản vẽ đối với các bộ môn hạ tầng kỹ thuật và môi trường.
- Số lượng bản vẽ có thể tách ra nhiều hơn 03 bản vẽ như đã quy định tại Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD và đảm bảo thể hiện đầy đủ các nội dung của từng chuyên ngành đã nêu;

4.2.4 Môn học 3: Quản lý quy hoạch xây dựng NTM:

Mục tiêu môn học: Giúp đối tượng được đào tạo làm chủ quy trình quản lý quy hoạch xây dựng NTM.

STT	Nội dung	Số tiết
1	Phần 1: Các cấp quản lý quy hoạch xây dựng NTM	4
2	Phần 1: Quản lý quy hoạch xây dựng NTM	4
3	Phần 3: Trình tự các bước trong quản lý quy hoạch xây dựng NTM	4
	Tổng số tiết	12

Phần I: Các cấp quản lý quy hoạch xây dựng NTM (Điều 4, Thông tư 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC):



A) Ban quản lý xây dựng xã có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

+ Ban quản lý xã là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. UBND tỉnh và UBND huyện có trách nhiệm hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp các Ban quản lý xã thực hiện nhiệm vụ được giao.

- + Tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng NTM của xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.
- + Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng.
- + Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

Trong trường hợp, đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư, UBND xã có thể thuê một đơn vị/tổ chức có đủ năng lực quản lý để hỗ trợ hoặc chuyển cho UBND huyện làm chủ đầu tư, có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã. Việc thuê đơn vị/tổ chức có đủ năng lực thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

B) Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

- + Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, phương pháp; các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng NTM. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan tư vấn, tổ chức hỗ trợ nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.
- + Tổ chức lấy ý kiến của người dân trong thôn tham gia góp ý vào bản quy hoạch, bản đề án xây dựng NTM chung của xã theo yêu cầu của Ban quản lý xã.
- + Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng do Ban quản lý xã giao nằm trên địa bàn thôn (đường giao thông, đường điện liên xóm, liên gia; xây dựng trường mầm non, nhà văn hóa thôn).
- + Tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua giữa các xóm, các hộ tập trung cải tạo ao, vườn, chỉnh trang cổng ngõ, tường rào để có cảnh quan đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn; cải tạo hệ thống tiêu, thoát nước; cải tạo, khôi phục các ao hồ sinh thái; trồng cây xanh nơi công cộng, xử lý rác thải.
- + Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do xã phát động.
- + Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo và giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo.
- + Tự giám sát cộng đồng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn thôn. Thành lập các nhóm quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu bàn giao.

+ Đảm bảo an ninh, trật tự thôn xóm; Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, nội quy phát triển thôn.

Phần II: Quản lý quy hoạch xây dựng NTM:

1. Đất quy hoạch các công trình hạ tầng (khu dân cư và khu sản xuất) sau khi được phê duyệt phải cấm mốc chỉ giới để quản lý nhằm tránh xâm hại. Có thể làm từng phần phù hợp với điều kiện kinh tế; khi có đủ nguồn lực thì làm đủ chuẩn.
2. UBND xã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch để đảm bảo xây dựng đúng quy hoạch, tránh lấn chiếm hoặc làm sai quy hoạch.
3. Đối với công trình xây dựng nhà ở dân cư: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, thiết kế mẫu một số mô hình nhà ở, công trình phụ trợ, bố trí khuôn viên phù hợp với bản sắc văn hóa từng vùng để người dân tham khảo, lựa chọn áp dụng.

Quy hoạch NTM xã do UBND xã làm chủ đầu tư, có thể tự làm hoặc thuê tư vấn một số phần việc (xây dựng kế hoạch, lập và hướng dẫn biểu số liệu khảo sát, tổng hợp, vẽ bản đồ, viết thuyết minh quy hoạch...). Giao cho Ban quản lý xã trực tiếp làm một số phần việc (khảo sát, đo đạc; tổ chức lấy ý kiến nhân dân).

Phần III: Trình tự các bước trong quản lý quy hoạch xây dựng NTM:

1. Người có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn căn cứ đồ án quy hoạch xây dựng được phê duyệt ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn. Nội dung cụ thể của Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn phù hợp với các quy định tại Điều 35 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP.
2. Ủy ban nhân dân xã tổ chức công bố, công khai quy hoạch xây dựng nông thôn theo quy định tại khoản 4 Điều 38 và Điều 39 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP và một số nội dung hướng dẫn bổ sung như sau:

* Đối với quy hoạch xây dựng vùng:

- + Bộ Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong vùng quy hoạch tổ chức công bố quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;
- + Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong vùng quy hoạch tổ chức công bố quy hoạch xây dựng vùng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- + Nội dung công bố quy hoạch xây dựng vùng theo quy định của người có thẩm quyền phê duyệt.

* Đối với quy hoạch chung xây dựng đô thị:

- + Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức công bố đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý;
- + Nội dung công bố quy hoạch chung xây dựng đô thị theo quy định của người có thẩm quyền phê duyệt.

* Đối với quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị:

- + Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức công bố đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý để mọi người thực hiện và giám sát việc thực hiện;
- + Nội dung công bố quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị: công bố toàn bộ nội dung quy hoạch và Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng của đồ án quy hoạch xây dựng.

* Đối với quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn:

- + Ủy ban nhân dân xã tổ chức công bố quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn;
- + Nội dung công bố quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn: công bố toàn bộ nội dung quy hoạch và Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng của đồ án quy hoạch xây dựng.
- + Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch xây dựng.
- + Người có trách nhiệm công bố quy hoạch xây dựng nếu không tổ chức công bố, tổ chức công bố chậm, công bố sai nội dung quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt thì tùy theo mức độ vi phạm phải chịu trách nhiệm kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

* Nội dung công bố, công khai đối với đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn bao gồm:

- Bản đồ phân khu chức năng;
- + Không gian sản xuất; sinh sống; bảo vệ môi trường;
- + Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;
- + Hệ thống công trình công cộng; cơ sở phục vụ sản xuất;
- + Khu phát triển mới, khu bảo vệ, khu cấm xây dựng;
- Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư tập trung.
- Các bản đồ quy hoạch xây dựng, tổ chức không gian của trung tâm xã hoặc điểm dân cư tập trung.
- Bản đồ cấm mốc giới, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

* Hình thức công bố, công khai quy hoạch xây dựng

Tùy theo loại quy hoạch xây dựng, người có thẩm quyền công bố quy hoạch xây dựng quyết định các hình thức công bố, công khai quy hoạch xây dựng như sau:

- + Hội nghị công bố quy hoạch xây dựng có sự tham gia của đại diện các tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, các cơ quan thông tấn báo chí.

- + Trưng bày công khai, thường xuyên, liên tục các panô, bản vẽ, mô hình tại nơi công cộng, tại cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quy hoạch chi tiết xây dựng.
 - + Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.
 - + Bản đồ quy hoạch xây dựng, Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng có thể in ấn để phát hành rộng rãi.
- * Trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt, các dự án đầu tư xây dựng đã và đang triển khai cần được cập nhật và công bố kịp thời, đầy đủ để các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện.
3. Căn cứ vào hồ sơ mốc giới được duyệt, việc cắm mốc giới, trách nhiệm của tổ chức thực hiện cắm mốc chỉ giới xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP.
- a) Căn cứ vào hồ sơ mốc giới được duyệt, việc cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa bao gồm: chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng, ranh giới các vùng cấm xây dựng. Chậm nhất 60 ngày, kể từ ngày quy hoạch xây dựng được công bố thì việc cắm mốc giới phải được hoàn thành.
- b) Trách nhiệm tổ chức, thực hiện cắm mốc chỉ giới:
- + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cắm mốc giới xây dựng đối với các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;
 - + Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện cắm mốc giới xây dựng đối với các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;
 - + Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện cắm mốc giới xây dựng đối với các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.
- c) Các mốc giới phải đảm bảo độ bền vững, có kích thước theo tiêu chuẩn và được ghi các chỉ số theo quy định.
- d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo vệ các mốc giới thực địa.
- e) Người nào có hành vi cắm mốc chỉ giới, cốt xây dựng sai vị trí; di dời, phá hoại mốc chỉ giới, cốt xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật.
4. Việc cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng được thực hiện theo Điều 41 của Nghị định 08/2005/NĐ-CP.
- a) Cơ quan quản lý xây dựng các cấp có trách nhiệm cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, chứng chỉ quy hoạch

xây dựng và các thông tin khác liên quan đến quy hoạch khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng do mình quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận, xử lý và cung cấp các thông tin khi có yêu cầu.

Thời gian cung cấp thông tin khi có yêu cầu bằng văn bản tối đa là 20 ngày làm việc, kể từ khi có yêu cầu.

- b) Người có yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản phải chịu toàn bộ chi phí về tài liệu thông tin do mình yêu cầu.
 - c) Người có trách nhiệm cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian cung cấp thông tin và độ chính xác của các tài liệu, số liệu cung cấp.
5. Hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt gồm: thuyết minh tổng hợp, các bản vẽ đúng tỷ lệ theo quy định, đĩa CD lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ được lưu trữ tại cơ quan quản lý xây dựng cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã.

4.2.5 Môn học 4: Thực hiện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM:

Mục tiêu môn học: Giúp đối tượng được đào tạo làm chủ quy trình tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM.

STT	Nội dung	Số tiết
1	Phần 1: Tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng NTM	6
2	Phần 1: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM	6
	Tổng số tiết	12

Phần I: Tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng NTM:

A) Trách nhiệm các Bộ:

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Ban chỉ đạo Trung ương về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kiểm tra, đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới, định kỳ 6 tháng báo cáo Ban chỉ đạo.

B) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp:

Ủy ban nhân dân các cấp kiện toàn bộ máy quản lý xây dựng tại địa phương để có đủ năng lực thực hiện việc lập, thẩm định quy hoạch, chỉ đạo, đôn đốc, truyền truyền, kiểm tra việc quy hoạch, quản lý xây dựng nông thôn mới.

1. Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư, có trách nhiệm tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch nông thôn mới.

2. Cơ quan thẩm định: Phòng hạ tầng, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch nông thôn mới trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện.

3. Ủy ban nhân dân huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch nông thôn mới, đồng thời ban hành quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch;

4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch nông thôn mới (kiểm tra: năng lực tư vấn, chất lượng đồ án và việc thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt); Chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về lập, quản lý quy hoạch NTM trên địa bàn.

5. Ban chỉ đạo xây dựng NTM có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện công tác quy hoạch NTM, đáp ứng yêu cầu, tiến độ Ban chỉ đạo Trung ương đã đề ra. Định kỳ 6 tháng báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

C) Tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng NTM:

Sau khi đồ án quy hoạch xây dựng được UBND huyện phê duyệt và chuyển giao. UBND xã giao cho Ban chỉ đạo chương trình NTM, Ban quản lý xây dựng xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy hoạch. Quá trình thực hiện quy hoạch bắt đầu từ quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình phục vụ sản xuất và quy hoạch, xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cho khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư cũ.

1. Đối tượng đầu tư: Công trình đầu tư tại xã, bao gồm việc làm mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã để đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2. Nội dung thực hiện:

- a) Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã;
- b) Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi, công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã;
- c) Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã;
- d) Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hoá thể thao trên địa bàn xã;
- e) Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hoá về y tế trên địa bàn xã;
- g) Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hoá về giáo dục trên địa bàn xã;
- h) Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ;

Các nội dung trên cần làm rõ: Thời gian, đối tượng, phạm vi thực hiện tiến độ và địa bàn triển khai; cơ quan quản lý dự án, cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp; các giải pháp lớn thực hiện dự án; nhu cầu tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn; quy định về sử dụng, bảo trì các công trình.

3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án:

Ban quản lý NTM xã có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật.

4. Cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư:

a) Cấp quyết định đầu tư:

- UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT các công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình;
- UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT các công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

b) Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã.

5. Căn cứ xác định mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ của ngân sách trung ương được căn cứ vào tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khi lập phải đúng theo quy định của cấp thẩm quyền như: Tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế, định mức, đơn giá của từng loại công trình.

Khuyến khích người dân, cộng đồng tự nguyện hiến đất để xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Hạn chế việc sử dụng ngân sách nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

6. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình:

a) Lập báo cáo KTKT xây dựng công trình:

- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn có thời gian thực hiện dưới 2 năm hoặc giá trị công trình đến 03 tỷ đồng, chủ đầu tư tự lập báo cáo KTKT (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực mới thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện). Nội dung báo cáo KTKT xây dựng công trình bao gồm: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

- Đối với các công trình có giá trị trên 03 tỷ đồng thì việc lập báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Kinh phí lập báo cáo KTKT được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho công trình, dự án thuộc Chương trình xây dựng NTM.

b) Thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình:

- Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi quyết định phê duyệt báo cáo KTKT dự án đầu tư.

+ Đối với dự án do huyện quyết định đầu tư, UBND huyện giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định báo cáo KTKT.

+ Đối với những công trình do UBND xã quyết định đầu tư: UBND xã tổ chức thẩm định báo cáo KTKT, các cơ quan chuyên môn của huyện có trách nhiệm hỗ trợ UBND xã trong quá trình thẩm định báo cáo KTKT.

- Thời gian thẩm định báo cáo KTKT dự án: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình thuộc đối tượng do UBND huyện quyết định đầu tư và không quá 07 ngày làm việc đối với các công trình do UBND xã quyết định đầu tư.

- Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt báo cáo KTKT:

+ Tờ trình xin phê duyệt dự án của Ban quản lý xã gồm các nội dung: Tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành, các nội dung khác (nếu thấy cần giải trình);

+ Báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán:

Trong quá trình chuẩn bị đầu tư chủ đầu tư, đơn vị tư vấn cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng. Ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư phải được tổng hợp ghi thành biên bản là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo KTKT, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

7. Lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:

a) Các hình thức lựa chọn: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 3 hình thức:

- Giao các cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình) tự thực hiện xây dựng;

- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng;

- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình, nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực thực hiện xây dựng.

b) Cách thức lựa chọn:

- Đối với hình thức giao cho cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình) tự thực hiện xây dựng:

- + Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá thôn, chợ, họp dân và thông tin trên trạm truyền thanh của xã;
- + Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả đấu thầu; thành phần mời tham gia họp gồm: Đại diện UBND xã, các đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư tham gia dự thầu; nếu hết thời hạn thông báo (do chủ đầu tư quy định) chỉ có 01 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư lựa chọn một nhà thầu phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện.
- Đối với hình thức lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng:
- + Chủ đầu tư thông báo mời thầu trên hệ thống truyền thanh của xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã, đồng thời phổ biến cho các trưởng thôn để thông báo cho người dân được biết.
- + Chủ đầu tư (có đại diện các cộng đồng dân cư trong xã) xây dựng hồ sơ mời thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá, tiêu chí để lựa chọn nhà thầu trình UBND xã phê duyệt. Tiêu chuẩn đánh giá phải phù hợp với yêu cầu tính chất của từng công trình cũng như điều kiện cụ thể của xã và thôn.
- + Các nhóm thợ, cá nhân có tối thiểu 10 ngày để chuẩn bị hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư.
- + Sau khi hết hạn nhận hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư tổ chức mở thầu đánh giá, lựa chọn nhóm thợ/tổ chức/cá nhân thi công. Thành phần mời tham gia đánh giá: Đại diện UBND xã, các tổ chức đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện nhóm thợ/cá nhân tham gia dự thầu sẽ xây dựng công trình.
- Trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá đã được UBND xã phê duyệt, các đại diện tham gia họp để đánh giá và bỏ phiếu bầu chọn nhóm thợ, cá nhân có đủ năng lực để thi công. Kết quả cuộc họp được thư ký ghi vào biên bản họp, có chữ ký của các thành phần tham dự và trình UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- + Trong trường hợp nếu hết thời hạn quy định mà chỉ có một nhóm thợ/tổ chức/cá nhân tham gia dự thầu thì chủ đầu tư đàm phán và ký kết hợp đồng với nhóm thợ/ tổ chức/cá nhân đó.
- Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng: Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công các gói thầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý xã.

8. Giám sát hoạt động xây dựng:

- a) Tổ chức giám sát thi công công trình xây dựng bao gồm:** Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, giám sát tác giả và ban giám sát cộng đồng. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công. Trường hợp không có tổ chức tư vấn giám sát thi công theo quy định, tùy theo điều kiện cụ thể, chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
- b) Giám sát cộng đồng thực hiện** theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

9. Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình:

- a) **Nghiệm thu công trình:** Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện ban quản lý xã; đại diện các đơn vị: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát; đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện ban giám sát của xã và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình.
- b) **Bàn giao quản lý, khai thác công trình:** Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã để giao cho thôn, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì.

Phần II: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM:

Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM được thực hiện trong những trường hợp sau:

- + Trong giai đoạn lập quy hoạch, phê duyệt có xuất hiện những thay đổi về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đơn vị lập quy hoạch sẽ tiến hành khảo sát, dự báo và điều chỉnh lại quy hoạch trước khi phê duyệt và công bố;
- + Đồ án quy hoạch xây dựng NTM đã được các cấp phê duyệt nhưng sau 03 năm không triển khai thực hiện sẽ tiến hành rà soát và điều chỉnh quy hoạch;
- + Sau thời gian 05 năm triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng, đồ án quy hoạch xây dựng NTM được kiểm tra và điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với các dự báo mới trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;

A) Điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn:

Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Nghị định 08/2005/NĐ-CP và một số nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Việc điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Đối với những xã đã có quy hoạch xây dựng nông thôn được duyệt nhưng chưa đáp ứng các chỉ tiêu về nông thôn mới quy định tại Bộ tiêu chí nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp cần tổ chức điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn cho phù hợp.
- b) Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn, xuất hiện những thay đổi về chính sách, chủ trương làm thay đổi các dự báo của quy hoạch xây dựng nông thôn.
- c) Các biến động về địa lý: thay đổi ranh giới hành chính, sụt lún, lũ lụt, động đất và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến các dự báo về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn quyết định về thời hạn và nội dung điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn.

3. Khi điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn cần tập trung vào những nội dung điều chỉnh: Xác định rõ các yêu cầu cải tạo, chỉnh trang để đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian cho từng khu vực, giải pháp cải

tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng, dịch vụ phù hợp với khả năng, nguồn lực và yêu cầu phát triển.

B) Điều chỉnh quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn:

- 1. Quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:**
 - a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương được điều chỉnh làm thay đổi đến cơ cấu lao động ngành nghề của địa phương, nhu cầu tăng, giảm dân số của địa phương;
 - b) Các điều kiện về địa lý, tự nhiên có biến động như thay đổi ranh giới hành chính, sụt lún, lũ lụt, động đất và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến các dự báo về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- 2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh quy hoạch xây dựng:** điểm dân cư nông thôn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.
- 3. Việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn:** phải đảm bảo tính kế thừa, chỉ điều chỉnh những nội dung cần thay đổi.

4.2.5 Phần ví dụ - bài tập ứng dụng: Ví dụ minh họa về đồ án quy hoạch xây dựng NTM ở xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam

Mục tiêu môn học: Giúp đối tượng nghiên cứu sau khi được đào tạo các kiến thức về quy hoạch xây dựng NTM có thể áp dụng trên đồ án QHXD thực tế.

Phần I: Giới thiệu về địa điểm quy hoạch – xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam



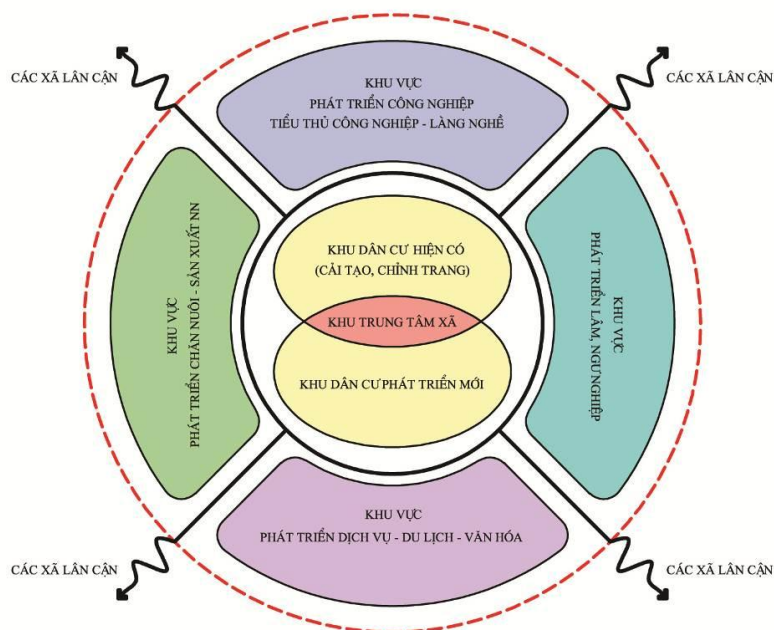
Ranh giới hành chính xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Xã Thi Sơn là một xã thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Xã có diện tích tự nhiên 7,16km², dân số 8.823 người (2009).

Quy hoạch xây dựng NTM xã Thi Sơn là một trong số ví dụ điển hình trong việc giải quyết bài toán từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội sang bài toán mô hình quy hoạch không gian.

Phần II: Xác định mô hình quy hoạch không gian của một xã:

Từ những nội dung đã được đào tạo, cán bộ quản lý trao đổi và xác định mô hình không gian của xã Thi Sơn như thế nào, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã Thi Sơn, của huyện Kim Bảng để từ đó đưa ra lời giải cho bài toán giữa mô hình kinh tế - xã hội sang bài toán không gian quy hoạch xây dựng.



Sơ đồ mô hình quy hoạch không gian xã

Phần III: Xác định các tồn tại còn vướng mắc của đề án QHXD trong quá trình quản lý – thực hiện

Giai đoạn	Nội dung thực hiện
Lập quy hoạch	Công tác lập quy hoạch của xã Thi Sơn được tiến hành từ năm 2010. Tuy nhiên trong quá trình lập quy hoạch, đề án vẫn còn tồn tại nhiều nhược điểm như sau: - Chưa phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam và huyện Kim Bảng đã được Chính phủ phê duyệt trong quyết định số 1226/QĐ-TTg. Trong đó nêu rõ, huyện Kim Bảng và xã Thi Sơn có định hướng phát triển theo hướng xây dựng trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng. - Quá trình đánh giá hiện trạng, xác định các đặc thù của địa phương về địa hình, văn hóa, xã hội... chưa triệt để. Dẫn đến việc bố trí các phân khu chức năng chưa hợp lý. Đặc biệt là quy hoạch khu công nghiệp và khu du lịch Đền Trúc – Ngũ Động Thi Sơn. Việc phát triển khu công nghiệp theo quy hoạch sẽ phá hỏng quần thể di tích, gây ảnh hưởng đến phát triển văn hóa và du lịch của xã. - Theo hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kim Bảng và xã Thi Sơn nên hướng phát triển du lịch – dịch vụ và sản xuất nông nghiệp. Khu quần thể Đền Trúc – Ngũ Động nên kết hợp với quần thể Chùa Bà Đanh để phát triển mạng lưới du lịch ven sông Đáy. - Đề án quy hoạch còn thiếu kết nối vùng, chủ yếu tập trung

	quy hoạch hạ tầng, chưa chú ý phát triển các khu vực sản xuất, khu vực di tích văn hóa – du lịch,... - Cần kết hợp với quy hoạch chung của toàn huyện Kim Bảng và các xã lân cận để có sự liên hệ về không gian và kết nối hạ tầng kỹ thuật. Đặc biệt là các khu vực chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp tập trung. - Các khu vực nghĩa trang quy hoạch chưa tập trung, khoảng cách ly với khu dân cư chưa đảm bảo. Chưa xác định được khu nghĩa trang nào quy hoạch mới, khu nào cần hạn chế chôn cất mà chỉ cải tạo, chỉnh trang.
Quản lý – thực hiện	- Sau khi có quy hoạch xã Thi Sơn đã tiến hành xây dựng theo quy hoạch, tính đến đầu năm 2013, cơ bản đã hoàn thành và đạt 14/19 tiêu chí xây dựng NTM.

4.3 HÌNH THỨC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

4.3.1 Hình thức đào tạo:

- Tổ chức lớp đào tạo tập trung;
- Biên tập nội dung chương trình, phát tài liệu phục vụ đào tạo;
- Thông qua các kênh thông tin của các Sở ban ngành tỉnh Hà Nam thông báo đến các huyện, xã về Chương trình đào tạo, bổ sung kiến thức về lĩnh vực quy hoạch xây dựng;
- Toàn tỉnh Hà Nam có 5 huyện và 96 xã, tùy thuộc vào số lượng cán bộ đăng ký để tổ chức đào tạo cho phù hợp;
- Địa điểm đào tạo: kết hợp với Sở Xây Dựng tỉnh Hà Nam;

4.3.2 Thời gian đào tạo theo lớp tập trung:

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ huyện xã, cán bộ thôn, chủ trang trại và doanh nghiệp trong thời gian 07 ngày (riêng đối với Ban quản lý xã nếu xét thấy cần thiết có thể tập huấn bồi dưỡng thêm, thời gian tùy theo nội dung, yêu cầu thực tế tại địa phương). Khối lượng nội dung đào tạo được phân bố trong bảng sau:

STT	Tên môn học	Số tiết	Thời gian
1	Quy hoạch xây dựng NTM	20 tiết	
2	Lập quy hoạch xây dựng NTM	12 tiết	
3	Quản lý quy hoạch xây dựng NTM	8 tiết	
4	Tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM	12 tiết	
5	Ví dụ - bài tập minh họa đồ án quy hoạch xây dựng thực tiễn	4 tiết	
Tổng cộng		56 tiết	7 ngày

Việc bố trí thời gian đào tạo trong 07 ngày sẽ giúp cán bộ cấp xã, huyện bố trí được thời gian, công việc trong 1 tuần. Phù hợp với quy định của Chính phủ (không quá 10 ngày) đối với chương trình đào tạo cán bộ cấp xã, huyện.

Hình thức đào tạo tập trung, thời gian hợp lý trong 1 tuần sẽ giúp chương trình đào tạo hướng vào những nội dung trọng tâm, tạo điều kiện cho cán bộ cấp xã, huyện có thể tham gia.

4.4 KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO VÀ NGUỒN KINH PHÍ

4.4.1 Kế hoạch đào tạo:

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ huyện, xã: Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các xã, huyện đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và thống kê đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng ở từng cấp kèm theo dự toán kinh phí. Văn phòng Điều phối cấp tỉnh tổng hợp kinh phí để cân đối với khả năng ngân sách chuyển Sở Kế hoạch, Sở Tài chính thẩm định, trình Ban Chỉ đạo tỉnh phê duyệt kế hoạch và chỉ đạo thực hiện, trong đó làm rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện của tỉnh và huyện.
- Trường Đại học Xây dựng sẽ lập kế hoạch đào tạo, tổ chức lớp đào tạo tập trung. Các đơn vị hợp tác bao gồm: Bộ môn Kiến trúc Công nghiệp, Bộ môn Quy hoạch, Viện quy hoạch và kiến trúc đô thị UAI (đại học Xây dựng) phối hợp thực hiện chương trình đào tạo.

4.4.2 Kinh phí đào tạo:

Kinh phí thực hiện dự án bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước, trong đó kinh phí đi tham quan, học tập trong và ngoài tỉnh tối đa không quá 20% tổng kinh phí kế hoạch vốn dự án đào tạo, tập huấn hàng năm.

Việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của dự án thực hiện như sau:

- Chi in ấn các loại tài liệu đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành;
 - Chi biên soạn chương trình, giáo trình: Mức chi áp dụng theo qui định tại Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-LĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;
 - Chi trả thù lao cho giảng viên theo mức quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách của nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;
 - Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại, văn phòng phẩm, nước uống và các khoản chi khác cho học viên, đại biểu trong thời gian đào tạo theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
- Căn cứ mức chi tại các hướng dẫn của trung ương, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện mức chi từng nội dung cho phù hợp với điều kiện của tỉnh.

V. CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận:

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới là chương trình mang tính tổng hợp, sâu, rộng, có nội dung toàn diện; bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng. Mục tiêu chung của chương trình được Chính phủ xác định là: xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Đồng thời quy hoạch xây dựng NTM phải phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn, giữ gìn và phát huy nét văn hóa bản sắc của nông thôn Việt Nam.

Sau 3 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM, Chính phủ đã sớm nhận thấy tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng của các cán bộ cấp xã, huyện. Năm 2011, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&ĐT, Bộ TC đã ban hành nhiều Thông tư nhằm khuyến khích hình thành, xây dựng các chương trình đào tạo để bổ sung kiến thức cho các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng. Tuy nhiên từ năm 2011 đến nay vẫn chưa có chương trình đào tạo nào được thực hiện, đặc biệt tại địa bàn tỉnh Hà Nam. Do đó cần thiết phải xây dựng được chương trình đào tạo cho các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng. Việc đánh giá tình hình thực trạng về quản lý quy hoạch xây dựng NTM và tổ chức nâng cao chất lượng, bổ sung kiến thức cho các cán bộ cấp xã, huyện sẽ mang lại hiệu quả trong xây dựng NTM. Trong đó, công tác quy hoạch xây dựng là giai đoạn quan trọng đi đầu.

Đề tài đã xây dựng chương trình đào tạo để bổ sung kiến thức về quy hoạch xây dựng cho cán bộ cấp xã, huyện tại tỉnh Hà Nam. Nội dung chương trình gồm có thiết kế các môn học phù hợp với kiến thức cần thiết dành cho cán bộ quản lý quy hoạch xây dựng. Bao gồm các môn học sau:

- 1. Môn học 1: Quy hoạch xây dựng NTM;**
- 2. Môn học 2: Lập quy hoạch xây dựng NTM;**
- 3. Môn học 3: Quản lý quy hoạch xây dựng NTM;**
- 4. Môn học 4: Tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM;**

Khối lượng đào tạo có 56 tiết được tổ chức đào tạo trong 07 ngày. Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi có 4 tiết. Trường Đại học Xây dựng phối kết hợp với các Sở ban ngành tỉnh Hà Nam sớm tổ chức chương trình và đào tạo tại địa phương trong thời gian sắp tới.

Mục tiêu của việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ cấp xã, huyện về quy hoạch là để họ trở thành đội ngũ làm chủ quy hoạch, lập quy hoạch và làm chủ trong quá trình thực hiện, quản lý và điều chỉnh. Tuy nhiên, chương trình đào tạo

không phải là chìa khóa để giải quyết tất cả các bài toán mà chỉ cung cấp các công cụ giúp cho các cán bộ cấp xã, huyện thể hiện vai trò làm chủ của mình trong quy hoạch xây dựng NTM tại tỉnh Hà Nam.

5.2 Đề xuất:

Trên cơ sở khảo sát điều tra xã hội học các cán bộ cấp xã, huyện về lĩnh vực quy hoạch xây dựng tại tỉnh Hà Nam, căn cứ vào các cơ sở khoa học đã nghiên cứu, đề tài đã hình thành nội dung chương trình đào tạo cho các cán bộ cấp xã, huyện ở địa bàn tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức đào tạo sẽ có nhiều cán bộ cấp xã, huyện không thể tham gia hoặc mức độ tiếp thu khác nhau. Vì vậy, đề tài đề xuất xây dựng sổ tay: **“Hướng dẫn cán bộ cấp xã, huyện trong việc lập quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch xây dựng NTM”** để phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quy hoạch xây dựng NT cho các cán bộ cấp xã, huyện tại địa bàn tỉnh Hà Nam.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**ĐỀ TÀI:****CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁN BỘ CẤP XÃ, HUYỆN VỀ QUY HOẠCH
XÂY DỰNG PHỤC VỤ CHO VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY
DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI TỈNH HÀ NAM****1. Thời gian thực hiện:** 06/2013 – 08/2013**2. Nội dung thực hiện:**

- + Số phiếu điều tra phát ra: 62 phiếu.
- + Số phiếu hợp lệ thu được kết quả: 61 phiếu.
- + Số phiếu không hợp lệ: 01 phiếu

3. Kết quả:**+ Câu 8: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) đã từng tham gia quản lý về Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới chưa?**

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Đã tham gia	60	98.4%
b. Chưa tham gia:	01	1.6%

+ Câu 9: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) có mong muốn được bổ sung các kiến thức về Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới không?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Có	61	100%
b. Không	0	0%

+ Câu 10: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) đã từng làm việc với các loại bản vẽ Quy hoạch Xây dựng chưa?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Đã tham gia	59	96.7%
b. Chưa tham gia:	02	3.3%

+ Câu 11: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) có hiểu được nội dung các loại bản vẽ Quy hoạch Xây dựng không?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Có	58	95.1%
b. Không	03	4.9%

+ Câu 12: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) có mong muốn một chương trình đào tạo để bổ sung các kiến thức về Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới không?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Có	59	96.7%
b. Không	02	3.3%

+ Câu 13: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) cần bổ sung các kiến thức về lĩnh vực nào sau đây để phục vụ công tác quản lý Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Kiến trúc	02	1.6%

b. Quy hoạch	08	13.1%
c. Hạ tầng kỹ thuật	15	24.6%
d. Đầu tư, bất động sản	01	1.6%
e. Quản lý quy hoạch	18	29.5%
f. Tác động môi trường	17	29.6%

+ Câu 14: Nếu mở các lớp đào tạo, các Anh (Chị) / Ông (Bà) mong muốn được tổ chức theo dạng nào?

	Kết quả	Tỷ lệ
Tập trung	56	91.8%
Không tập trung	05	8.2%

+ Câu 15: Theo các Anh (Chị) / Ông (Bà), các lớp đào tạo nên tổ chức trong thời gian bao lâu?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. 1 tuần	41	67.2%
b. 2 tuần	04	6.6%
c. 3 tuần	16	26.2%

+ Câu 16: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) có thể sắp xếp thời gian nào để tham gia lớp đào tạo?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Buổi sáng	06	9.8%
b. Buổi chiều	13	21.3%
c. Cả sáng và chiều	42	68.9%

+ Câu 17: Theo các Anh (Chị) / Ông (Bà), các lớp đào tạo nên tổ chức vào thời gian nào?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Từ tháng 1 - 3	44	72.1%
b. Từ tháng 4 – 6	12	19.6%
c. Từ tháng 7 – 9	5	8.3%
d. Từ tháng 10 - 12	0	0%

+ Câu 18: Khi kết thúc khóa học, các Anh (Chị) / Ông (Bà) mong muốn được kiểm tra, đánh giá theo hình thức nào?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Tổ chức thi	31	50.8%
b. Viết báo cáo	30	49.2%

+ Câu 19: Các Anh (Chị) / Ông (Bà) có mong muốn được hỗ trợ kinh phí đào tạo không?

	Kết quả	Tỷ lệ
a. Hỗ trợ 100%	53	86.9%
b. Hỗ trợ 50%	08	13.1%

4. Kết luận:

Phiếu điều tra phỏng vấn được thực hiện tại địa bàn tỉnh Hà Nam. Các phiếu lấy ý kiến được phát cho các cán bộ cấp xã, huyện phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như: ban kiến thiết, quản lý quy hoạch, kiến trúc, giám sát thi công, nghiệm thu,...

Kết quả điều tra cuối cùng:

- + 98% các cán bộ đều đã và đang tham gia và hoạt động quy hoạch xây dựng tại địa bàn mình quản lý.
- + 100% cán bộ mong muốn được bổ sung các kiến thức về Quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
- + 96,7% cán bộ mong muốn có chương trình đào tạo để tham gia.
- + Các lĩnh vực chuyên môn mà các cán bộ mong muốn được bổ sung bao gồm: Quản lý quy hoạch, Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và Tác động môi trường.
- + 91,8% cán bộ mong muốn được đào tạo tập trung và 67,2% có mong muốn được tham gia đào tạo tập trung trong 1 tuần. 68,9% mong muốn được tổ chức đào tạo cả ngày.
- + 72,1% cán bộ mong muốn được tham gia đào tạo vào thời gian từ tháng 1-3.
- + 86,9% cán bộ mong muốn được hỗ trợ 100% cho khoá đào tạo.

CÁC QUYẾT ĐỊNH, THÔNG TƯ CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NTM VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NTM

STT	Loại văn bản	Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	Quyết định	491/QĐ-TTg	16/04/2009	Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.
2	Thông tư	21/2009/TT-BXD	30/06/2009	Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
3	Thông tư	31/2009/TT-BXD	10/09/2009	BXD ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn.
4	Thông tư	32/2009/TT-BXD	10/09/2009	BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn, mã số QCVN 14:2009/BXD.
5	Thông tư	07/2010/TT-BNNPTNT	08/02/2010	Hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới
6	Quyết định	800/QĐ-TTg	04/06/2010	Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
7	Thông tư	09/2010/TT-BXD	04/08/2010	Quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng xó nông thôn mới.
8	Thông tư	26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC	13/04/2011	Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg
9	Quyết định	1226/QĐ-TTg	22/07/2011	Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020.
10	Thông tư	13/2011/TTLT-BXDBNNPTNT-BNNPTNT-BTN&MT	28/10/2011	Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.
11	Thông tư	01/2013/TT-BXD	08/02/2013	Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
12	Quyết định	577/QĐ-TTg	11/04/2013	Phê duyệt đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
13	Quyết định	89/NQ-CP	23/07/2013	Về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng để

				mở rộng địa giới hành chính thành phố Phủ Lý.
14	Quy chuẩn	QCVN 14:2009		Quy hoạch xây dựng nông thôn

Tài liệu tham khảo:

- Các quyết định, thông tư liên tịch của Chính phủ có liên quan đến quy hoạch xây dựng nông thôn mới;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn mới;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam <http://hanam.gov.vn>;